



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46./2024/CV-SH

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

**Kính gửi:** - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà
  - Mã chứng khoán: SHI
  - Địa chỉ: Số 2, Phố Thanh Lâm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội.
  - Điện thoại liên hệ: 84-24-62656566 Fax: 84-24-62656588
  - E-mail: Info@sonha.com.vn
- Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà công bố:
  - Báo cáo thường niên năm 2023
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/4/2024 tại đường dẫn [www.sonha.com.vn](http://www.sonha.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2023

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐÌNH QUÝ



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023**





## TẦM NHÌN

Phát triển thành Tập Đoàn kinh tế đa ngành, có vị thế hàng đầu khu vực, được công nhận trên trường quốc tế.



## SỨ MỆNH

Không ngừng đổi mới, sáng tạo, tiên phong sản xuất, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng, thân thiện với môi trường vì cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của xã hội.



## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tiên - Tín - Tốc - Trí - Tâm

- **Tiên:** Tiên phong dẫn đầu, hăng hái, tích cực, đi trước, đặt tinh thần xung phong, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm lên vị trí hàng đầu, làm tiền đề cho mọi hoạt động.
- **Tín:** Luôn nhất quán trong các cam kết, hướng tới sự phát triển bền vững, đạt được sự hài lòng cao nhất của khách hàng và đối tác. Coi chữ Tín là danh dự của chính mình.
- **Tốc:** Thích ứng nhanh với mọi sự thay đổi, đề cao chữ "Tốc" trong việc ra quyết định, thực thi xuất sắc và tôn trọng kỷ luật. Lấy tốc độ và kết quả làm tôn chỉ hành động.
- **Trí:** Đề cao tinh thần nghĩ mới, làm mới, tư duy tích cực, chủ động cải tiến và làm chủ công nghệ, xây dựng tổ chức học tập, tự học hỏi, khát vọng lớn mạnh, quy tụ những con người tinh hoa, nơi mỗi thành viên đều là các nhân tố xuất sắc trong lĩnh vực công việc của mình.
- **Tâm:** Coi chữ tâm là nền tảng quan trọng của mọi hành động; Làm việc bằng tâm trong sáng của sứ mệnh nâng cao chất lượng cuộc sống và sự phát triển bền vững của xã hội; Xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa nội bộ với bên ngoài, hướng đến môi trường làm việc hạnh phúc.



# THÔNG ĐIỆP

## CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác**

Cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên Tập đoàn Sơn Hà

Năm 2023, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế tiếp tục có những biến động phức tạp, khó lường với những “cơn gió nghịch”, tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khoảng 172.500 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 20,5% so với cùng kỳ năm 2022 và cao nhất kể từ năm 2017 tới nay. Đây là dấu hiệu cho thấy những khó khăn của nền kinh tế cũng như hoạt động của doanh nghiệp còn lớn và chưa thể sớm chấm dứt.

Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Sơn Hà đã được Hội đồng quản trị và Ban Điều hành liên tục giám sát và điều chỉnh phù hợp với diễn biến thị trường. Với những quyết sách đúng đắn, kịp thời của ban lãnh đạo cùng sự đoàn kết, nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Sơn Hà đã vững vàng vượt bão và tiến về phía trước với tinh thần phụng sự bền bỉ.

Không chỉ tạo dựng được thương hiệu quốc dân trong ngành gia dụng, đồng thời đưa ống inox công nghiệp vươn tầm quốc tế đến 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, Tập đoàn tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng mới như BĐS công nghiệp, ngành nước và năng lượng tái tạo với nhiều điểm sáng.

Công tác tái cấu trúc toàn diện được Tập đoàn Sơn Hà quyết liệt triển khai theo hướng tinh gọn, linh hoạt, hiệu quả. Năm 2023, Tập đoàn hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra với doanh thu thuần đạt 9.605 tỷ đồng và lợi nhuận gộp sau thuế đạt 59 tỷ đồng.

Bước sang năm 2024, cũng là năm đầu tiên của hành trình 1/4 thế kỷ tiếp theo, vẫn còn không ít khó khăn, thử thách nhưng cũng mở ra rất nhiều cơ hội và tiềm năng cho Sơn Hà. Khẩu hiệu “**Về đích từng ngày**” được đề ra cho năm 2024 với thông điệp: Từng cá nhân nỗ lực về đích, mỗi tập thể đồng lòng về đích và toàn Tập đoàn sẽ gặt hái thắng lợi.

Trong hành trình theo đuổi sứ mệnh, mục tiêu phát triển của mình, Tập đoàn Sơn Hà cam kết luôn là đối tác tin cậy và có trách nhiệm, không ngừng nỗ lực để hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ, mang đến những giá trị hữu ích cho cộng đồng và đất nước.

Thay mặt HĐQT, tôi xin bày tỏ sự tri ân sâu sắc tới các Quý cổ đông, Quý đối tác, khách hàng cùng toàn thể CBCNV đã lựa chọn tin tưởng và đồng hành, chung tay xây dựng Tập đoàn Sơn Hà phát triển bền vững, đạt được nhiều thành tựu hơn trong tương lai.

Kính chúc Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn!




Chủ tịch HĐQT  
LÊ VĨNH SƠN

Ông Lê Vinh Sơn  
Chủ tịch Tập đoàn Sơn Hà





Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ  
 Tên tiếng Anh: SONHA INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY  
 Tên viết tắt: SONHA.CORP  
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế: 0100776445  
 thay đổi lần thứ 24 ngày 29/09/2022

-  Điện thoại: +84-24-62656566
-  Fax: +84-24-62656588
-  Website: [www.sonha.com.vn](http://www.sonha.com.vn)





Mã cổ phiếu: SHI



Vốn điều lệ  
 1.621.764.490.000 đồng



Vốn đầu tư của chủ sở hữu  
 1.621.764.490.000 đồng

-  Trụ sở chính: Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai  
 Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
-  Hội sở: Tầng 13, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường  
 Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

## THÀNH LẬP

Tập đoàn Sơn Hà được thành lập năm 1998 với tên Công ty TNHH Cơ Kim Khí Sơn Hà

## BƯỚC CHÂN VÀO THỊ TRƯỜNG EU VÀ MỸ

Xuất khẩu ống thép Inox Sơn Hà vào thị trường Mỹ. Đây là dấu mốc quan trọng đánh dấu Sơn Hà phát triển ngành sản xuất Công nghiệp. Ống inox Sơn Hà là thương hiệu duy nhất tại Việt Nam đạt chứng chỉ PED (tiêu chuẩn xuất khẩu) vào những thị trường khó tính như EU và Mỹ.

## THÀNH CÔNG TIẾN VÀO ẤN ĐỘ

Chính thức vào thị trường Ấn Độ, trở thành thương hiệu ống thép công nghiệp số 1 tại thị trường Ấn Độ với hơn 1 tỷ dân, chiếm thị phần lớn nhất nhập khẩu ống thép vào nước này. Mở rộng mạng lưới chi nhánh lên hơn 40 chi nhánh, tăng vốn điều lệ lên 547 tỷ đồng.

## BÙNG NỔ CÁC NGÀNH KINH DOANH MỚI

Thâu tóm Toàn Mỹ - thương hiệu bồn nước cao cấp và lâu đời nhất của VN, mở rộng thị trường miền Nam; Bùng nổ các ngành sản xuất và kinh doanh mới có tính bước ngoặt: phát triển công nghệ xử lý nước thải, phát triển điện mặt trời, đầu tư vào lĩnh vực vận tải...

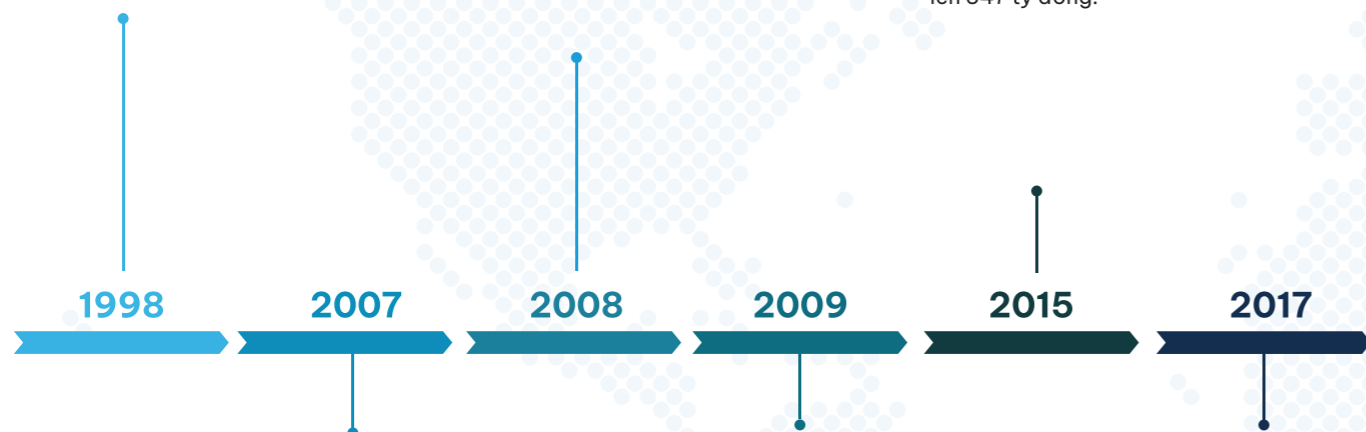
## MỞ RỘNG QUY MÔ TẬP ĐOÀN

Ra mắt sản phẩm điện mặt trời áp mái FreeSolar; Khánh thành nhà máy sản xuất lắp ráp xe điện EVGO và ra mắt thị trường các dòng xe điện hai bánh EVGO; Ra mắt thị trường các dòng sản phẩm mới thuộc lĩnh vực sản phẩm gia dụng như: Nồi cơm điện KoreCook, điều hòa Ecoool...

## TIẾP TỤC TÁI CẤU TRÚC TOÀN DIỆN VÀ ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ MẠNH MẼ

Sở hữu 22 công ty thành viên (bao gồm công ty con trực tiếp, công ty con gián tiếp và công ty liên kết); 11 nhà máy sản xuất trong và ngoài nước với gần 3.000 nhân sự; hơn 30.000 điểm bán và nhà phân phối trên khắp các tỉnh, thành phố trong nước; xuất khẩu tới 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm gia dụng công nghệ cao phục vụ khách hàng Việt, mở rộng thị trường vào khu vực miền Trung và miền Nam.
- Triển khai dự án và chính thức đưa vào vận hành SAP ERP S/4HANA on Private Cloud - dự án chuyển đổi số quy mô lớn, vươn mình trong kỷ nguyên 4.0.
- Vinh dự lọt top 10 thương hiệu xuất sắc châu Á 2022.



### CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH CÔNG TY

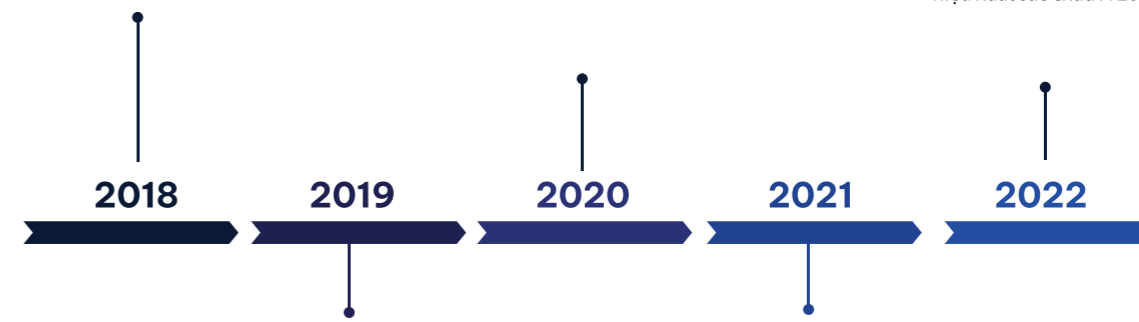
Chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà; Nhà máy sản xuất inox Sơn Hà với diện tích 45.000m<sup>2</sup> chính thức đi vào hoạt động.

### TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Sơn Hà trở thành công ty đại chúng, chính thức niêm yết 15 triệu cổ phiếu tại Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh với mã SHI; Vốn điều lệ đăng ký 150 tỷ đồng.

### TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tái cấu trúc doanh nghiệp với công ty mẹ và 13 công ty thành viên; Thực hiện thành công thương vụ M&A Trường Tuyền, thương hiệu lớn có uy tín trong ngành sản xuất bồn chứa nước inox, xây dựng nhà máy ở Myanmar; Xuất khẩu tới 32 quốc gia và vùng lãnh thổ.



### TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG XANH

Hợp tác cùng các đối tác Nhật Bản và Hàn Quốc, chuyển giao công nghệ xử lý nước sạch và nước thải tiên tiến. Ký kết cùng EVN Hà Nội, phát triển và lắp đặt thành công hệ thống sản phẩm điện mặt trời áp mái (FreeSolar) tại nhiều công trình với mức công suất đạt gần 30kw/công trình. Ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Tập đoàn Watrec - Thụy Sĩ về phát triển Biogas - sản phẩm giúp biến rác thải thành năng lượng.

### TIẾP TỤC TÁI CẤU TRÚC TOÀN DIỆN TẬP ĐOÀN, MỞ RỘNG QUY MÔ VÀ ĐA DẠNG HÓA CÁC NGÀNH NGHỀ

Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, phục vụ tiện ích cuộc sống cho người Việt như: chậu handmade cao cấp, xe máy điện EVGO, máy lọc không khí eCool, máy nước nóng Smart wifi, nồi cơm điện Korecook...; Khai trương hệ thống EVGO Center - showroom trưng bày xe máy điện EVGO - tại các tỉnh thành trọng điểm; Vinh dự đạt Top 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội năm 2021.

## SỰ KIỆN NỔI BẬT 2023

### TẬP ĐOÀN SƠN HÀ RA MẮT 4 MẪU XE ĐIỆN 2 BÁNH “BỘ TƯ THAY THẾ XE XĂNG”

Ngày 8/4/2023, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn Sơn Hà đã tổ chức họp báo ra mắt 4 mẫu xe điện hai bánh mới với chủ đề “Bộ tư thay thế xe xăng”. Bốn mẫu xe hai bánh sử dụng động cơ điện mới nhất vừa được Tập đoàn Sơn Hà ra mắt tại Việt Nam, trong đó có hai mẫu xe chạy pin với vận tốc tối đa lên tới 80km/h, quãng đường di chuyển tối đa lên tới 200km/ một lần sạc.

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Ngày 18/4/2023, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Công ty CP Phát triển năng lượng Sơn Hà (Mã Ck: SHE) đã thông qua Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023, trong đó tiếp tục đẩy mạnh đầu tư ngành Xe máy điện.

### TẬP ĐOÀN SƠN HÀ CHÍNH THỨC KHỞI CÔNG KCN SHI IP TAM DƯƠNG

Ngày 28/4/2023, Tập đoàn Sơn Hà đã khởi công khu công nghiệp SHI IP Tam Dương tại Vĩnh Phúc, chính thức gia nhập thị trường bất động sản công nghiệp. Buổi lễ được tổ chức trang trọng với sự tham dự của đại diện lãnh đạo các Bộ, Ban, Ngành Trung ương; lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phúc, huyện Tam Dương và chính quyền địa phương; các cơ quan thông tấn báo chí; các đối tác; các ngân hàng; các nhà đầu tư; các đơn vị thi công, tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra dự án...

## NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT 2023

### TẬP ĐOÀN SƠN HÀ KÝ KẾT CHƯƠNG TRÌNH PHÚC LỢI ĐOÀN VIÊN, NGƯỜI DÂN NGHIỆP ĐOÀN NGHỀ CÁ VIỆT NAM

Ngày 29/05/2023, tại Nha Trang, ông Phạm Thế Hùng – Phó Tổng Giám đốc Thường trực Tập đoàn Sơn Hà đã tham dự Hội nghị tuyên truyền về biển đảo, chống khai thác IUU và ký kết Chương trình phúc lợi đoàn viên, ngư dân Nghiệp đoàn Nghề cá Việt Nam. Theo đó, Công ty CP Quốc tế Sơn Hà sẽ triển khai chương trình giá bán ưu đãi trên các sản phẩm, dịch vụ cho đoàn viên Nghiệp đoàn nghề cá trên cả nước; Cam kết về chất lượng, bảo dưỡng, bảo hành đối với các sản phẩm bán ra; Hỗ trợ Nghiệp đoàn nghề cá Việt Nam trong công tác tuyên truyền về biển, đảo và chức năng, nhiệm vụ của Nghiệp đoàn đến các đoàn viên.

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023 CÔNG TY CP QUỐC TẾ SƠN HÀ

Ngày 30/5/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Hose: SHI) đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 với mục tiêu doanh thu hợp nhất đạt 8.000 tỷ đồng và lợi nhuận hợp nhất sau thuế dự kiến đạt khoảng 80 tỷ đồng, kế hoạch chia cổ tức tỷ lệ 8%.

### ĐOÀN 60 DOANH NGHIỆP HỌC VIỆN KINH DOANH JIDANG – NGÔ HIỂU BA (TRUNG QUỐC) THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI TẬP ĐOÀN SƠN HÀ

Trong khuôn khổ chương trình xúc tiến đầu tư do Tập đoàn Sunwah khu vực Đông Nam Á phối hợp với Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam tổ chức, sáng ngày 08/9/2023, Đoàn Doanh nghiệp Học viện Kinh doanh Jidang – Ngô Hiểu Ba (Trung Quốc) đã tới thăm và làm việc tại Tập đoàn Sơn Hà. Đoàn công tác gồm 60 doanh nghiệp Trung Quốc, là các công ty lớn tại Trung Quốc, hoạt động trong các lĩnh vực như: điện tử, gia công sản xuất, chế tạo, dược phẩm, thiết bị y tế, FMCG, xây dựng, bất động sản, khách sạn, dịch vụ, thương mại,...



## SỰ KIỆN NỔI BẬT 2023

### TẬP ĐOÀN SƠN HÀ TỔ CHỨC THÀNH CÔNG HỘI NGHỊ KHÁCH HÀNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Ngày 13/09/2023, tại Ba Vì, Tập đoàn Sơn Hà đã tổ chức thành công chương trình hội nghị với chủ đề “Vượt sóng lớn – Đón thành công” nhằm tri ân các nhà phân phối sản phẩm ống inox của Công ty Sơn Hà SSP Việt Nam. Đây là cơ hội quý báu để Công ty SSP chia sẻ định hướng và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong thời gian tới, đồng thời lắng nghe những chia sẻ của các nhà phân phối, đại lý vì mục tiêu cùng phát triển và ngày càng lớn mạnh.

### SƠN HÀ SSP THAM GIA HỘI NGHỊ VÀ TRIỂN LÃM THÉP KHÔNG GỈ THẾ GIỚI TẠI MAASTRICHT – HÀ LAN 2023

Trong 03 ngày, từ 26 – 28/09/2023, Công ty Sơn Hà SSP Việt Nam – thành viên của Tập đoàn Sơn Hà – đã tham gia Hội nghị – Triển lãm Thép không gỉ Thế giới được tổ chức lần thứ 13 tại Maastricht – Hà Lan với gian hàng trưng bày, giới thiệu các sản phẩm ống inox Sơn Hà. Mang những sản phẩm chất lượng nhất tới Triển lãm, mục tiêu của Sơn Hà SSP là quảng bá thương hiệu inox Sơn Hà tới các đối tác lớn trên thế giới, khẳng định vị thế của một doanh nghiệp hàng đầu khu vực trong ngành công nghiệp thép không gỉ; đồng thời tăng cường giao lưu, học hỏi những công nghệ sản xuất tiên tiến từ khắp các quốc gia trên thế giới.

### TẬP ĐOÀN SƠN HÀ THAM GIA TRIỂN LÃM QUỐC TẾ NGÀNH NƯỚC – VIETWATER 2023

Từ ngày 11 – 13/10/2023, TD Sơn Hà tham gia Triển lãm VIET-WATER lần thứ 14 tại TP. Hồ Chí Minh. Đây là triển lãm uy tín, thu hút sự tham gia của hơn 450 đơn vị đến từ 25 quốc gia và vùng lãnh thổ, đón hơn 10.000 lượt khách tham quan. Bên cạnh ống inox trang trí và công nghiệp đã khẳng định tên tuổi ở 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, Sơn Hà còn trưng bày giới thiệu ống cấp nước sạch inox với nhiều mẫu mã mới, lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam.

## NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT 2023

### TẬP ĐOÀN SƠN HÀ THAM GIA HỘI CHỢ TRIỂN LÃM QUỐC TẾ TRUNG BÀY GIỚI THIỆU SPCNCL HÀ NỘI 2023

Trong 3 ngày từ 19/10, Tập đoàn Sơn Hà đã tham gia Hội chợ triển lãm quốc tế trưng bày giới thiệu SPCNCL Hà Nội năm 2023 cùng với hàng trăm doanh nghiệp công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội. Sở hữu 4 gian hàng ở vị trí trung tâm của hội chợ, Tập đoàn Sơn Hà đã mang đến nhiều sản phẩm chủ lực như: ống, hộp inox, xe máy điện EVGO, chậu handmade, bình nước nóng trực tiếp & gián tiếp, bể septic... Sản phẩm của Sơn Hà được đánh giá cao về chất lượng và sự đa dạng mẫu mã.

### ĐẢNG BỘ SƠN HÀ TỔ CHỨC LỄ KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN MỚI

Sáng ngày 27/10/2023, tại Trụ sở Diễn, Đảng bộ Công ty CPQT Sơn Hà đã tổ chức Lễ kết nạp Đảng viên mới & Lễ trao quyết định công nhận Đảng viên chính thức của 2 Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Công ty. Được thành lập năm 2012, từ một tổ chức Đảng với 3 Đảng viên ban đầu, đến nay, Đảng bộ Sơn Hà đã có 45 Đảng viên thuộc 2 chi bộ trực thuộc là Chi bộ Văn phòng và Chi bộ Nhà máy Phùng.

### TẬP ĐOÀN SƠN HÀ THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI TẠI HÀN QUỐC

Trong 3 ngày, từ 16 – 18/10/2023, bà Dương Thị Dung – thành viên Ban điều hành – đã dẫn đầu đoàn Sơn Hà tham gia Chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch tại Hàn Quốc cùng với Đoàn công tác tỉnh Vĩnh Phúc do Ông Lê Duy Thành – Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc làm Trưởng đoàn.

## NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT 2023

### TẬP ĐOÀN SƠN HÀ THAM DỰ HỘI CHỢ VIỆT NAM TẠI MYANMAR

Từ ngày 1-3/11/2023, TĐ Sơn Hà – Công ty Sơn Hà Myanmar (SHM) đã tham dự Hội chợ hàng Việt Nam do Bộ Công thương tổ chức tại Juntion City- một trong những Trung tâm thương mại lớn nhất Myanmar. Hội chợ có sự tham gia của 36 doanh nghiệp Việt Nam và Myanmar. Kể từ năm 2019 đến nay, đây là hội chợ Việt Nam đầu tiên diễn ra sau Đại dịch Covid và chính biến tại Myanmar.

### TẬP ĐOÀN SƠN HÀ LỘT TOP 50 SẢN PHẨM DỊCH VỤ TIN DÙNG VIỆT NAM 2023

Chiều 21/12, tại Hà Nội, Tạp chí Kinh Tế Việt Nam đã tổ chức Ngày hội Tiêu dùng – Lễ công bố và vinh danh Top 50 Sản phẩm – Dịch vụ tin dùng Việt Nam 2023 được người tiêu dùng bình chọn với chủ đề trọng tâm là “Thiết yếu thiết thực – Tiên phong đột phá”. Ông Trần Cứu Quốc – Thành viên Ban Điều hành đã đại diện Tập đoàn Sơn Hà nhận giải thưởng này. Với vị thế hàng đầu trong lĩnh vực công nghiệp, năm 2023, sản phẩm ống inox Sơn Hà đã lọt Top 50 sản phẩm – dịch vụ tin dùng Việt Nam do Tạp chí Kinh tế Việt Nam – VnEconomy khảo sát và người tiêu dùng bình chọn.

### TẬP ĐOÀN SƠN HÀ TẶNG XE MÁY ĐIỆN EVGO CHO ĐẠI SỨ THĂNG LONG – HÀ NỘI

Trong khuôn khổ của Cuộc thi “Tìm kiếm Đại sứ tuyên truyền lịch sử, văn hóa Thăng Long – Hà Nội do Thành đoàn Hà Nội tổ chức, Tập đoàn Sơn Hà đã trao tặng phần thưởng đặc biệt là 1 chiếc xe máy điện EVGO D cho Đại sứ – người giành giải Nhất của cuộc thi. Đây là hoạt động đồng hành ý nghĩa nhằm khuyến khích thế hệ trẻ sử dụng phương tiện giao thông xanh, hướng tới bảo vệ môi trường và hưởng ứng chủ trương của Chính phủ Việt Nam trong việc phát triển giao thông xanh.

## GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Huân chương Lao động hạng Nhì  
do Chủ tịch nước trao tặng



Đạt Thương hiệu Quốc gia  
trong nhiều năm liên tiếp



Hàng Việt Nam  
chất lượng cao

- ★ Đạt Thương hiệu Quốc gia trong nhiều năm liên tiếp
- ★ Thương hiệu mạnh Việt Nam (2016)
- ★ Huân chương lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng (2018)
- ★ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2018)
- ★ Chứng nhận CSI (2018)
- ★ Giải Vàng chất lượng Quốc gia (2019)
- ★ Bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội (2019)
- ★ Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2020 và các năm trước
- ★ Chứng nhận PED của Tổ chức Quốc tế TUV năm 2021 và các năm trước
- ★ Top 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội năm 2021 và các năm trước
- ★ ISO 9001:2015 trong năm 2021 và các năm trước
- ★ Top 100 doanh nghiệp tiên phong ứng dụng công nghệ số
- ★ Top 10 thương hiệu xuất sắc châu Á 2022
- ★ Top 10 sản phẩm được tin dùng Việt Nam 2023
- ★ Top 1 hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích 2023
- ★ Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2023 và các năm trước

# Ngành nghề kinh doanh



01

NGÀNH SẢN XUẤT  
VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM  
GIA DỤNG, ĐIỆN GIA DỤNG



02

NGÀNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH  
SẢN PHẨM ỐNG THÉP CÔNG NGHIỆP



03

NGÀNH PHÁT TRIỂN  
NĂNG LƯỢNG SẠCH



04

NGÀNH KHAI THÁC XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
VÀ CUNG CẤP NƯỚC SẠCH



05

NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP



#01

## Sản xuất và kinh doanh sản phẩm gia dụng, điện gia dụng

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm gia dụng là lĩnh vực truyền thống đã góp phần đưa Sơn Hà trở thành Thương hiệu Quốc gia. Ngoài sản phẩm bồn nước đứng vị thế số 1 trên thị trường Việt Nam, Tập đoàn Sơn Hà còn cung cấp những mặt hàng gia dụng thiết yếu để phục vụ cho hàng triệu gia đình Việt.

- ✓ Bồn chứa nước inox
- ✓ Bồn chứa nước nhựa
- ✓ Nồi cơm điện
- ✓ Bình nước nóng
- ✓ Máy lọc không khí
- ✓ Điều hòa
- ✓ Chậu rửa inox
- ✓ Bể chứa nước ngầm
- ✓ Máy tạo nước ION kiềm
- ✓ Máy lọc nước & Cây nước nóng lạnh
- ✓ Máy hút mùi & Bếp từ | Bếp gas



#02

## Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ống thép công nghiệp

Đây là lĩnh vực đưa thương hiệu Sơn Hà vượt khỏi biên giới Việt Nam để có mặt tại 35 quốc gia vùng lãnh thổ trên thế giới. Hiện nay, ống inox của Sơn Hà là sản phẩm duy nhất tại Việt Nam đạt chứng chỉ PED, đủ điều kiện xuất khẩu tới các thị trường khó tính như Mỹ, Ấn Độ, Nga, Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ...



### Ống inox trang trí

Ống, hộp inox trang trí của Sơn Hà là sản phẩm kỹ thuật tân tiến theo tiêu chuẩn Mỹ ASTM A554, tiêu chuẩn châu Âu DIN-EN-10296-2 và JIS G3448 của Nhật Bản. Sản phẩm được sản xuất từ các vật liệu SUS/AISI 201/304/316 với hàm lượng Ni, Cu cao thích hợp cho trang trí nội thất, nhà ở, nhà ga, sân bay và các công trình khác...

Sản phẩm được sản xuất từ các vật liệu SUS/AISI 201/304/316 với hàm lượng Ni, Cu cao thích hợp cho trang trí nội thất, nhà ở, nhà ga, sân bay và các công trình khác...



### Ống inox công nghiệp

Ống inox công nghiệp từ các vật liệu SUS/AISI 201/304/316 với hàm lượng Ni, Cu cao thích hợp cho trang trí nội thất, nhà ở, nhà ga, sân bay... Sản phẩm được sản xuất qua các công đoạn và máy móc hiện đại nhất về cán ủ, hàn đa kim, thử nghiệm kiểm tra áp lực, kiểm tra dòng điện xoáy, đo độ tròn, kiểm tra mối hàn...

Sản phẩm cũng đã đạt được tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do DAS chứng nhận.



### Bồn công nghiệp

Bồn công nghiệp Sơn Hà là sản phẩm được sản xuất hoàn toàn từ inox cao cấp, có khả năng chống lại sự xâm nhập của các loại vi khuẩn, vi trùng từ bên ngoài. Sản phẩm được sử dụng rộng rãi trong các công trình xây dựng, các khu công nghiệp, bể chứa chuyên dụng, các cơ sở chế biến thực phẩm...

Sản phẩm được sử dụng rộng rãi trong các công trình xây dựng, các khu công nghiệp, bể chứa chuyên dụng, các cơ sở chế biến thực phẩm...



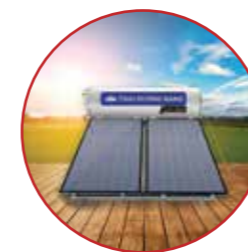
### Máy bơm nhiệt Headpump công nghiệp

Máy nước nóng Bơm nhiệt (heat pump) là một loại hình sản phẩm thay thế máy nước nóng năng lượng bằng điện, gas.

#03

## Phát triển năng lượng sạch

Là đơn vị đầu tiên ứng dụng và phát triển dòng sản phẩm máy nước nóng năng lượng mặt trời tại Việt Nam, Sơn Hà đã tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong các doanh nghiệp phát triển năng lượng sạch của Việt Nam bằng việc không ngừng trao đổi, cập nhật, hợp tác với các đối tác đầu ngành đến từ Đức, Thụy Sĩ...



### THAI DUONG NANG

#### Máy nước nóng năng lượng mặt trời Thái Dương Năng

Máy nước nóng năng lượng mặt trời Thái Dương Năng Sơn Hà là sản phẩm thân thiện với môi trường, an toàn với các nguy cơ cháy nổ, chập điện và tiết kiệm điện 100%. Đây là sự lựa chọn hàng đầu cho nhu cầu sử dụng nước nóng của các hộ gia đình, các khách sạn, nhà hàng, bệnh viện, trường học...



### FREE SOLAR

#### Điện mặt trời áp mái FreeSolar

FreeSolar là sản phẩm điện năng lượng mặt trời áp mái nổi lưới đạt tiêu chuẩn công nghệ Đức của Tập đoàn Sơn Hà. Với mục tiêu góp phần xây dựng cuộc sống xanh bền vững cho toàn xã hội, FreeSolar biến mỗi nhà máy, văn phòng, resort, mái nhà dân... thành các nhà máy phát điện, cung cấp điện sạch giá rẻ cho khách hàng.



### EVGO


#### Xe máy điện EVGO

Năm 2020, Tập đoàn Sơn Hà hợp tác với Tập đoàn Bosch (CHLB Đức) - Tập đoàn hàng đầu trên thế giới về cung cấp giải pháp công nghệ và thiết bị sử dụng cho xe điện - nhằm ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại, tiên tiến nhất của Bosch cho các sản phẩm xe máy điện mang thương hiệu EVGO. Mục tiêu trong vòng 05 năm tới, Sơn Hà sẽ trở thành 1 trong 3 nhà sản xuất, lắp ráp, cung cấp xe điện lớn nhất Việt Nam.

#04

## Cung cấp nước sạch


Sơn Hà đã tham gia đầu tư vào các dự án cung cấp nước sạch như nhà máy sản xuất nước sạch và hệ thống mạng lưới nước sạch cung cấp cho từng hộ gia đình. Đặc biệt, Sơn Hà đã ký hợp tác với các tập đoàn uy tín từ Nhật Bản để chuyển giao công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới về xử lý nước sạch không can thiệp hoá chất, đạt chuẩn quốc tế; đồng thời cung cấp các giải pháp và thi công trọn gói công trình xử lý nước sạch như nước ngầm, nước mặt và hệ thống mạng lưới nước.



→

**Công nghệ xử lý nước ngầm**


Công nghệ Chemiles không sử dụng hóa chất, có khả năng xử lý nguồn nước ngầm nhiễm sắt, mangan, amoni và asen. Nguồn nước đầu ra sau khi lọc qua cấp lọc Chemiles đáp ứng được tiêu chuẩn nước sạch của Bộ Y tế và tiêu chuẩn uống nước tại vòi của Nhật Bản.



←

**Công nghệ xử lý nước mặt**

Sơn Hà cung cấp giải pháp công nghệ xử lý nước mặt tiên tiến nhất với chi phí đầu tư và vận hành thấp; cung cấp giải pháp và thi công mạng lưới nước sạch đến từng hộ gia đình với công nghệ quản lý phân vùng tách mạng scada hiện đại. Các nhà máy nước sạch do Sơn Hà đầu tư đảm bảo tiêu chuẩn, góp phần giải quyết vấn đề thiếu nước sạch cho Hà Nội và các tỉnh.



→

**Hệ thống lọc trọng lực tự rửa**

Lọc nước tổng Sơn Hà Eurofil là thiết bị lọc nước tổng cho toàn bộ ngôi nhà, dựa trên công nghệ màng siêu lọc sợi rỗng UF của Pháp.

## Cung cấp giải pháp xử lý nước thải

Chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào nền tảng cơ sở hạ tầng thân thiện với môi trường. Nhu cầu cấp bách về xử lý nước thải theo hướng thân thiện với môi trường, không làm ảnh hưởng mạch nước ngầm, trả lại một thiên nhiên ít bị thương tổn - chính là lý do Sơn Hà phát triển đa dạng công nghệ xử lý nước thải.

Sơn Hà thành lập Viện nghiên cứu và Trung tâm nghiên cứu phát triển ngành nước hàng đầu Việt Nam, hợp tác với Nhật Bản, Hàn Quốc và Đại học Xây dựng Hà Nội để phát triển nhiều công nghệ và sản phẩm xử lý nước thải mới phù hợp với điều kiện Việt Nam.



→

**Bể phốt thông minh Septic Sơn Hà**

Septic được thiết kế đặc biệt giúp chứa và lọc nước thải một cách thông minh. Sản phẩm được sản xuất từ vật liệu nhựa siêu bền, không lo nứt vỡ.



←

**Hệ thống xử lý nước thải Jokaso**

Công nghệ xử lý nước thải tại nguồn – Jokaso có hiệu quả xử lý cao, sản phẩm chất lượng Nhật Bản, nước thải sau xử lý đảm bảo tiêu chuẩn Việt Nam, tuổi thọ cao, dễ dàng lắp đặt phù hợp với các nguồn nước thải. Sơn Hà cung cấp giải pháp xử lý cho mọi công trình từ 1 m<sup>3</sup>/ngđ đến 100.000 m<sup>3</sup>/ngđ.



→

**Hệ thống xử lý nước thải GJR- GJS**

Đây là 2 công nghệ đã được nhận chuyển giao của thành phố Gyeongju (Hàn Quốc): Công nghệ xử lý nước tốc độ cao (GJ-R) và công nghệ vi sinh (GJ-S). Các công nghệ xử lý nước thải hiện đại, hệ vận hành quản lý từ xa, tiết kiệm nhiều lần diện tích sử dụng, chi phí đầu tư cũng như vận hành, không phụ thuộc vào tay nghề của người vận hành.

#05

## Bất động sản công nghiệp

Không chỉ phát huy lợi thế sẵn có của một Tập đoàn sở hữu chuỗi nhà máy sản xuất, hạ tầng công nghiệp, bất động sản là lĩnh vực để Sơn Hà đón đầu xu hướng phát triển trong tương lai. Với định hướng phát triển các cụm/khu công nghiệp kiểu mẫu, hài hòa giữa giá trị kinh tế và giá trị môi trường, Sơn Hà sẽ đóng góp tích cực cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại Việt Nam.



# Quy mô thị trường

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà cung cấp các sản phẩm chất lượng tới người tiêu dùng cả nước và xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới.



**30.000** Nhà phân phối và điểm bán trải dài khắp các tỉnh thành



**120** Chi nhánh trong và ngoài nước



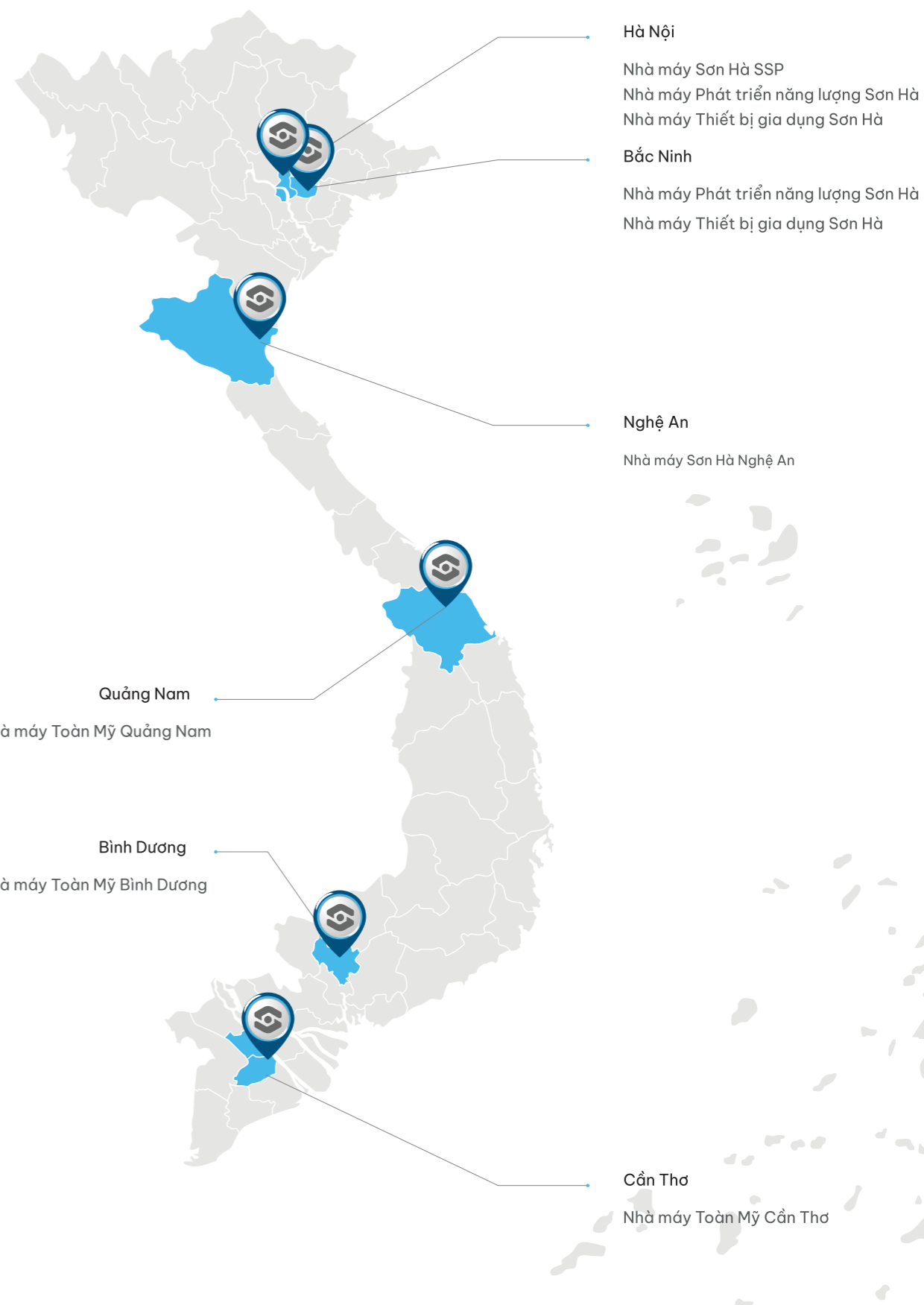
**50** Xuất khẩu tới 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, chinh phục được các thị trường cao cấp như Bắc Âu, Mỹ, Canada...



**11** Nhà máy trong và ngoài nước

11 nhà máy sản xuất bao gồm 10 nhà máy trong nước với tổng diện tích khoảng 250.000m<sup>2</sup> trải dài cả 3 miền Bắc - Trung - Nam và 1 nhà máy tại nước ngoài đáp ứng nhu cầu của thị trường.

TT	Nhà máy Sơn Hà	Địa chỉ
1	Nhà máy Sơn Hà SSP	KCN Phùng, Đan Phượng, TP Hà Nội
2	Nhà máy Phát triển năng lượng Sơn Hà	KCN Phùng, Đan Phượng, TP Hà Nội
3	Nhà máy Thiết bị gia dụng Sơn Hà	KCN Phùng, Đan Phượng, TP Hà Nội
4	Nhà máy Phát triển năng lượng Sơn Hà	Khu CN đô thị Thuận Thành 2, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh
5	Nhà máy Thiết bị gia dụng Sơn Hà	Khu CN đô thị Thuận Thành 2, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh
6	Nhà máy Sơn Hà Nghệ An	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, Nghệ An
7	Nhà máy Toàn Mỹ Quảng Nam	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
8	Nhà máy Toàn Mỹ Cần Thơ	Đường số 9, Khu Công nghiệp Trà Nóc, Thành phố Cần Thơ
9	Nhà máy Toàn Mỹ Bình Dương	Khu phố Hoà Lân 1, TX Thuận An, phường Thuận Giao, Bình Dương
10	Nhà máy nước Dương Nội	Cổng số 3 Khu D GLEXIMCO đường Lê Trọng Tấn phường Dương Nội Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
11	Nhà máy Sơn Hà Myanmar	No.33/B Damaryone Street, Ward No.15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar

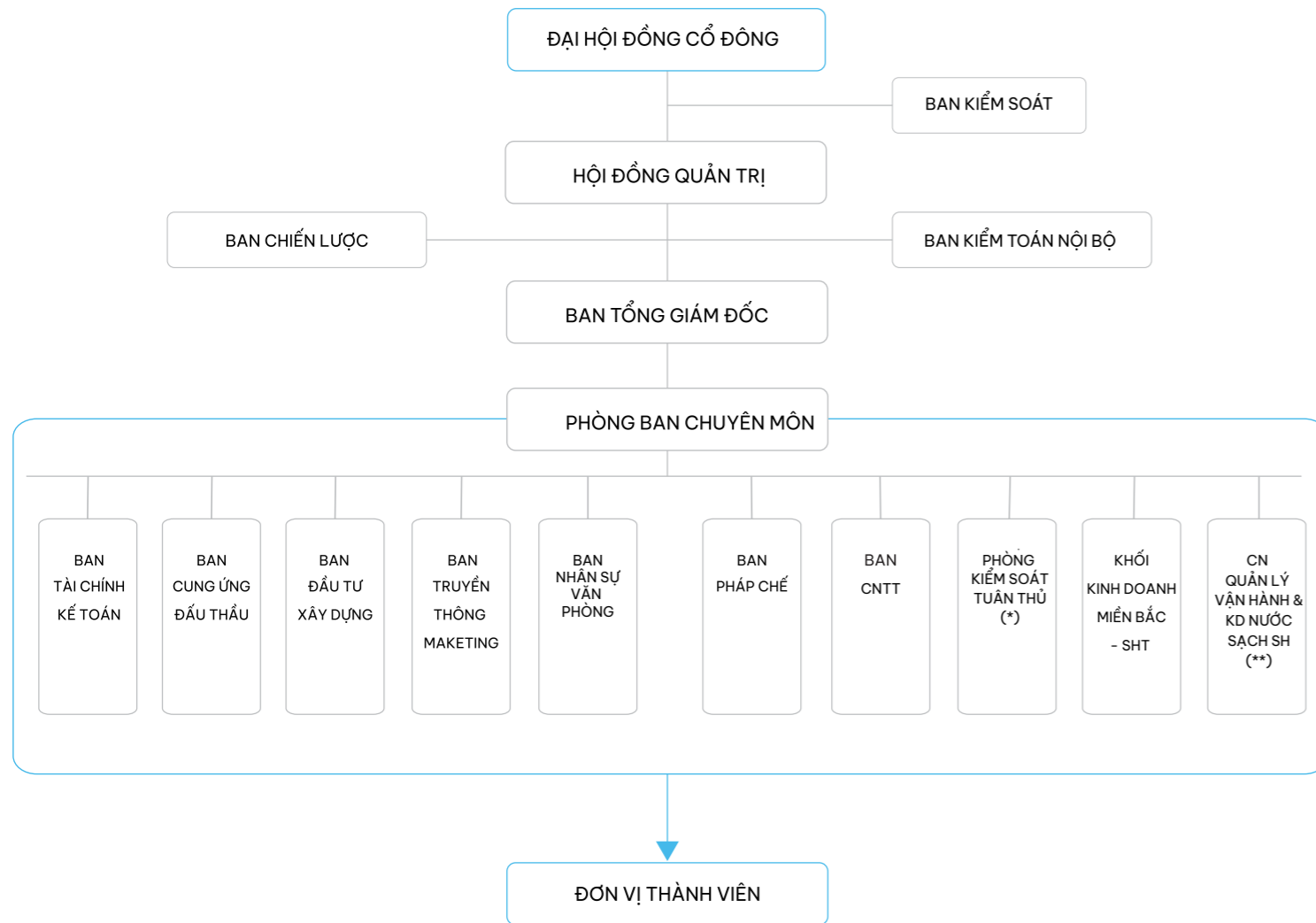




# Tổ chức bộ máy

Mô hình hoạt động của Công ty theo quy định tại điều 137 Luật doanh nghiệp.

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Tập đoàn Sơn bao gồm Công ty mẹ và 16 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 05 công ty liên kết



# Tổ chức bộ máy

## CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

### CÔNG TY CON TRỰC TIẾP

TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	% SỞ HỮU
1	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%
3	Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyển	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%
4	Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương Năng	50,38%
5	Công ty CP Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%
6	Công ty CP Kinh doanh và Phát triển dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Quản lý và phát triển dự án	85%
7	Sonha Myanmar International Limited	No.33/B Damaryone Street, Ward No.15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,5%
8	Công ty CP Tổng công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%
9	Công ty CP Công nghệ Xử lý Nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	60%
10	Công ty CP Điện mặt trời Sơn Hà FreeSolar	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất, cung cấp giải pháp năng lượng tái tạo	90%
11	Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh vận tải	100%
12	Công ty CP Giải pháp công nghệ nước và môi trường Sơn Hà GM Việt Nam	Số 2, phố Thanh Lâm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước thương mại	51%

## CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

### CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	% SỞ HỮU
13	Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%
14	Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%
15	Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng gia dụng và công nghiệp	74,34%
16	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%

### CÔNG TY LIÊN KẾT

TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	% SỞ HỮU
17	Công ty CP Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 Liễu Giai, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	30%
18	Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10 đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,10%
19	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	Xây dựng nhà để ở	30%
20	Công ty CP Sơn Hà Hanseem Việt Nam	Số 2 Thanh Lâm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	30%
21	Công ty CP Vietnam Commodity Exchange	Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 Liễu Giai, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	30%

# Giới thiệu Ban lãnh đạo

#01

## Thành viên Hội đồng Quản trị



**ÔNG LÊ VĨNH SƠN**  
Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Vĩnh Sơn là người sáng lập Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà từ những ngày đầu tiên. Ngoài chức vụ công tác hiện nay là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty, ông còn là đại biểu HĐND Thành phố Hà Nội khóa XV nhiệm kỳ 2016 – 2021; Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam – Thành phố Hà Nội; Chủ tịch Chuyên đề Năng lượng sạch của Diễn đàn Kinh tế tư nhân Việt Nam. Ông Lê Vĩnh Sơn tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân.



**BÀ TRẦN KIM DUNG**  
Phó Chủ tịch HĐQT

Bà Trần Kim Dung đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tại các doanh nghiệp. Bà từng giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT bệnh viện VietS-ing, từng là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần KDG Quốc tế. Ngoài vị trí là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quốc tế Sơn Hà, bà còn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vietnam Commodity Exchange. Bà Trần Kim Dung là Thạc sỹ Kinh tế, Học viện Tài chính.



**ÔNG PHẠM THẾ HÙNG**  
Thành viên HĐQT

Ông Phạm Thế Hùng đã có nhiều năm kinh nghiệm tại các vị trí quản lý thuộc công ty & tập đoàn lớn như: Coca-Cola, Bluescope Building, FPTs, Tập đoàn Vitto... Hiện ông là Phó Tổng Giám đốc thường trực, Công ty CP Quốc tế Sơn Hà kiêm Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh. Ông Phạm Thế Hùng tốt nghiệp Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân.



**BÀ NGUYỄN THỊ THANH THÚY**  
Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy đã có 4 năm công tác trong lĩnh vực quản lý doanh nghiệp tại Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn; 14 năm công tác trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, ngân hàng, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tại Tập đoàn IDJ Group, Ngân hàng SHB, Công ty CP Quốc tế Sơn Hà (SHI). Từ tháng 7/2020 đến nay, bà Thúy giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ, Công ty CP Quốc tế Sơn Hà. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, bà Nguyễn Thị Thanh Thúy được bầu là Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty CP Quốc tế Sơn Hà. Trước đó, bà từng giữ vai trò Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2018 – 2020. Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy tốt nghiệp Học viện Tài chính, Hà Nội, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.



**ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG**  
Thành viên độc lập HĐQT

Ông Nguyễn Văn Dũng có nhiều năm kinh nghiệm trong Ngành Nước; từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Nhà máy nước Hòa Bình, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông. Hiện nay, ông vừa là thành viên độc lập HĐQT vừa giữ chức vụ Hàm Phó TGD phụ trách Ngành nước Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Ông Nguyễn Văn Dũng là Kỹ sư xây dựng, Đại học Xây dựng.



**ÔNG NGUYỄN PHƯƠNG NAM**  
Thành viên độc lập HĐQT

Ông Nguyễn Phương Nam từng đảm nhiệm vị trí quan trọng tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Intelcap và hiện đang là Giám đốc Công ty CP TMDT Phương Nam. Ông cũng là một trong các thành viên HĐQT độc lập của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Ông Nguyễn Phương Nam là cử nhân Kinh tế, Học viện Tài chính.

# Giới thiệu Ban lãnh đạo

#02

## Thành viên Ban Tổng Giám đốc



**ÔNG PHẠM THẾ HÙNG**  
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông Phạm Thế Hùng đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý các công ty, tổ chức lớn như: Coca-Cola, Bluescope Building, FPT, Tập đoàn Vitto... Tại Sơn Hà, ông trực tiếp phụ trách quản lý, điều hành công tác sau: Sản xuất, kinh doanh ngành hàng gia dụng tại Vùng 1, 2 (các tỉnh phía Bắc Việt Nam cho tới tỉnh Ninh Bình) của Tập đoàn và các đơn vị thành viên; Sản xuất, kinh doanh ngành hàng điện gia dụng trên phạm vi toàn quốc; Đầu tư sản xuất, kinh doanh mảng xe máy điện của Tập đoàn và các đơn vị thành viên; Phát triển thương mại điện tử; Phát triển kênh phân phối MT.

Ông Phạm Thế Hùng là cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân.



**ÔNG NGUYỄN ĐÌNH QUÝ**  
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Quý đã có nhiều năm kinh nghiệm tại các vị trí cấp cao và là thành viên Ban điều hành tại các công ty, tập đoàn lớn như: Tập đoàn Austdoor, Công ty Cổ phần Livespo, Công ty Cổ phần Viwaco, Công ty Kiểm toán Quốc tế Ernst & Young...

Hiện ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần quốc tế Sơn Hà; Chủ tịch Công ty CP Công nghệ Xử lý Nước và Môi trường ETM; Chủ tịch Công ty TNHH quản lý vận hành và kinh doanh nước sạch Sơn Hà; Thành viên HĐQT, TGD Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn.

Ông Nguyễn Đình Quý tốt nghiệp Cử nhân kế toán tại Đại học Thương mại và Cử nhân Ngôn ngữ tại Đại học Hà Nội.



**ÔNG ĐỖ THÀNH TÂM**  
Tổng Giám đốc  
Miễn nhiệm ngày 13/01/2023

Ông Đỗ Thành Tâm đã có nhiều năm kinh nghiệm quản các công ty, tổ chức lớn như: GD Kinh doanh & GD quản lý chuỗi cung ứng Công ty TNHH tinh luyện Núi Pháo Công ty TNHH khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo; Giám đốc điều hành Công ty CP Dầu khí Dung Quất... Tại Sơn Hà, ông trực tiếp phụ trách quản lý, điều hành công tác sau: Mua hàng/chuỗi cung ứng; Sản xuất và kinh doanh ngành hàng công nghiệp (thép và ống thép); Kinh doanh quốc tế của Tập đoàn; Công nghệ sản xuất tại Tập đoàn và các Công ty thành viên; Nghiên cứu và phát triển ngành gia dụng của Tập đoàn; Đầu tư kinh doanh mảng vận tải của Tập đoàn và các Công ty thành viên.

Ông Đỗ Thành Tâm là Thạc sĩ kinh tế - Trường Đại học North Central - Hoa Kỳ.



**ÔNG NGUYỄN VĂN LƯƠNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Miễn nhiệm ngày 20//02/2023

Ông Nguyễn Văn Lương từng giữ chức vụ Phó TGD Công ty Cổ phần Xây dựng, Thiết kế và Trang Trí 319 thuộc Tổng Công ty 319 - Bộ Quốc phòng. Ngoài ra, ông từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng trong Công ty CP Hiway Việt Nam, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long T.D.K. Tại Sơn Hà, ông trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực công tác sau: Sản xuất, kinh doanh ngành hàng gia dụng và điện gia dụng tại Vùng 3, 4 (từ tỉnh Thanh Hóa tới tỉnh Khánh Hòa, Đắk Lắk) của Tập đoàn và các đơn vị thành viên; Kinh doanh các ngành hàng của Tập đoàn qua kênh Dự án.

Ông Nguyễn Văn Lương là cử nhân Kinh tế - Học viện Tài chính.



**ÔNG HOÀNG MẠNH TÂN**  
Hàm Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Mạnh Tân đã có nhiều năm kinh nghiệm tại doanh nghiệp như: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Tân, Trưởng phòng Kinh doanh Chi nhánh Công ty Vận tải biển Việt Nam tại Hà Nội... Tại Sơn Hà, ông thực hiện chức năng, nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà (SHE).

Ông Hoàng Mạnh Tân là Kỹ sư máy tàu thủy - Đại học Hàng Hải, cử nhân kinh tế ngoại thương - Đại học Ngoại Thương.



**ÔNG TRƯƠNG VĂN TIẾN**  
Kế toán trưởng

Ông Trương Văn Tiến có nhiều năm kinh nghiệm tại các doanh nghiệp như CP Canifa, Công ty CP Đầu tư Devico.

Tại Sơn Hà, từ năm 2019, ông Trương Văn Tiến giữ chức vụ Kế toán trưởng của Tập đoàn.

### BAN KIỂM SOÁT

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
I	Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng Ban
II	Trần Thị Thảo	Thành viên
III	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên



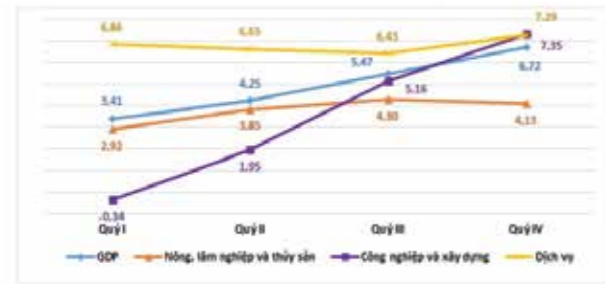
## QUẢN TRỊ RỦI RO

### Rủi ro về kinh tế

#### Tăng trưởng

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam



(Nguồn: Tổng Cục thống kê, Tốc độ tăng GDP và giá trị tăng thêm (VA) các khu vực các quý năm 2023 (%))

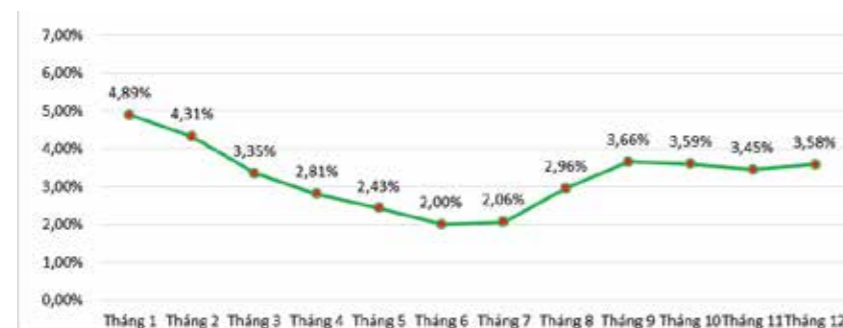
Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2023 ước tính tăng 6,72% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn quý IV các năm 2012-2013 và 2020-2022 và với xu hướng tích cực, quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 3,41%, quý II tăng 4,25%, quý III tăng 5,47%). Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,13%, đóng góp 7,51% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,35%, đóng góp 42,58%; khu vực dịch vụ tăng 7,29%, đóng góp 49,91%. Về sử dụng GDP quý IV/2023, tiêu dùng cuối cùng tăng 4,86% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 53,18% vào tốc độ tăng chung của nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 6,21%, đóng góp 44,18%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,68%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,76%; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 2,64%.

GDP năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

#### Rủi ro lạm phát

Theo công bố của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022. Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao do tăng giá nguyên vật liệu, giá nhân công,....

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam



(Nguồn: Tổng Cục thống kê, CPI các tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước)

### Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo loại hình công ty cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy định pháp luật khác có liên quan. Đặc biệt, các quy định về thuế có ảnh hưởng trực tiếp và đáng kể đến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển, các quy định của pháp luật còn chưa theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi đều có thể dẫn đến những kết quả không mong đợi, ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành của Công ty. Công ty đã thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý để kịp thời dự báo và có sự chuẩn bị nhằm thích ứng với những thay đổi của chính sách. Đồng thời, nghiên cứu các quy định, chính sách về nhập khẩu của các nước mà công ty có thị trường xuất khẩu để có thể hạn chế những rủi ro về mặt pháp lý trong các giao dịch kinh doanh.

### Rủi ro về thiên tai, dịch bệnh

Trên thế giới, biến đổi khí hậu không còn là mối đe dọa trong tương lai. Đó là thực tế mới của thế giới. Nhiệt độ toàn cầu chưa từng cao như vậy trong 125.000 năm qua và có nguy cơ vượt quá giới hạn 2 độ C được quy định trong Thỏa thuận Paris 2015. Năm 2023 có thể là năm nóng nhất từng được ghi nhận trong lịch sử. Hậu quả là trong năm 2023, các hiện tượng thời tiết cực đoan trên toàn cầu, từ cháy rừng lịch sử đến hạn hán khốc liệt cho đến lũ lụt kỷ lục đã xảy ra (Chinhphu.vn). Bên cạnh những hậu quả nặng nề vẫn còn chưa hết của Đại dịch Covid-19, ở trong nước, ước tính năm 2023, thiên tai đã làm 166 người chết và mất tích. Thiệt hại về kinh tế ước tính khoảng 8.236 tỷ đồng (phongchongthientai.mard.gov.vn/). Với quy mô hoạt động trải dài trong phạm vi khắp cả nước và xuất khẩu ra nhiều quốc gia trên thế giới, các vấn đề thiên tai và dịch bệnh nêu trên đã tác động và ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

### Rủi ro đặc thù Rủi ro ngành

#### a. Thị trường xuất khẩu

Sản xuất đã được xuất khẩu vào hơn 30 quốc gia và vùng lãnh thổ, Công ty tiếp tục chính sách mở rộng thị trường. Sản phẩm ống thép xuất khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về độ chính xác và chất lượng cao. Ý thức được điều này, Công ty đã xây dựng Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008 và thực hiện đánh giá hàng năm để đảm bảo chất lượng sản phẩm một cách ổn định. Đối với các sản phẩm xuất khẩu, Công ty đã đáp ứng được yêu cầu và được cấp chứng nhận PED (Pressure Equipment Directive) cho các sản phẩm ống xuất khẩu vào thị trường châu Âu, và đáp ứng các tiêu chuẩn A312, A554, A778 của ASTM (American Society for Testing and Material) đối với sản phẩm ống thép công nghiệp và trang trí xuất khẩu vào thị trường sử dụng tiêu chuẩn ASTM.

#### b. Thuế chống bán phá giá

Sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường có khả năng đối diện với thuế chống bán phá giá. Sở dĩ có hiện tượng như vậy là do xuất phát từ chính sách bảo hộ doanh nghiệp trong nước hoặc do việc không tận dụng được lợi thế để giảm giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp nước sở tại, nguyên nhân khác là do cạnh tranh thiếu công bằng của các doanh nghiệp xuất khẩu ở các quốc gia khác.

Thị trường trong nước: các doanh nghiệp sản xuất và phân phối nguyên liệu đầu vào là thép không gỉ đã có sự cạnh tranh với các doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu nước ngoài. Doanh nghiệp sẵn sàng nộp đơn kiện chống bán phá giá nguyên liệu đối với các doanh nghiệp đến từ các nước khác để bảo vệ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Khi xảy ra những đợt kiện chống bán phá giá nguyên liệu, các doanh nghiệp nước ngoài bị áp thuế chống bán phá giá dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty có thể bị điều chỉnh tăng do thuế suất tăng và/hoặc do các doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu trong nước tăng giá hoặc áp đặt các điều kiện thanh toán bất lợi hơn cho khách hàng, từ đó có thể làm tăng giá thành sản phẩm của Công ty.

**Rủi ro về nguyên vật liệu**

Là một công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm làm từ thép không gỉ, nguyên liệu chính của Sơn Hà là thép không gỉ được nhập khẩu từ nước ngoài và một số ít công ty trong nước. Giá của nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm. Giá của nguyên liệu thường xuyên biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của công ty. Bên cạnh đó, nếu nguồn nguyên vật liệu không được cung cấp đầy đủ và đúng hạn thì có thể Công ty không sản xuất đủ sản phẩm cung cấp cho các đơn hàng. Để giảm rủi ro, Công ty đã chủ động tìm kiếm những nhà cung cấp uy tín nhằm đảm bảo thời hạn giao hàng cũng như chất lượng sản phẩm.

**Rủi ro về thị trường tiêu thụ**

Sản phẩm chính của Sơn Hà là những đồ gia dụng thiết yếu, vì vậy lượng cầu không giảm nhiều như những sản phẩm khác. Đồng thời, Công ty đã chủ động điều chỉnh sản lượng cho phù hợp với sức tiêu thụ của thị trường.

**Rủi ro trong các ngành nghề mới**

Công ty đang đầu tư vào các ngành mới như cung cấp và xử lý nước, năng lượng và hạ tầng công nghiệp. Mặc dù đây là những ngành được đánh giá tiềm năng, tuy nhiên mức độ cạnh tranh lớn, đặc biệt là việc phải cạnh tranh với những đối thủ cạnh tranh đã có vị thế nhất định trong ngành. Việc lựa chọn phương án đầu tư, tiến độ triển khai phù hợp với năng lực tài chính, nhân lực và diễn biến chu kỳ của ngành sẽ quyết định thành công của các dự án đầu tư vào các ngành mới.

Công ty lựa chọn phương án tiếp cận thận trọng, từng bước nhưng quyết liệt, phù hợp với năng lực triển khai của đội ngũ nhân sự chuyên môn, năng lực tài chính cũng như diễn biến của ngành và kinh tế vĩ mô nói chung.

**Rủi ro cạnh tranh**

Hiện nay, có khoảng 20 doanh nghiệp trong nước bên cạnh các sản phẩm được nhập khẩu trong đó có một số công ty lớn, có uy tín và đang cạnh tranh trực tiếp với công ty ở các lĩnh vực sản phẩm bốn nước, chậu rửa; sản phẩm ống inox, sản phẩm gia dụng. Tuy nhiên, Công ty đang không ngừng nỗ lực cải tiến chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá mẫu mã để chiếm lĩnh thị trường, tiến tới mục tiêu trở thành tập đoàn sản xuất các sản phẩm từ thép không gỉ, sản phẩm gia dụng hàng đầu Việt Nam. Bên cạnh đó, việc thâm nhập vào các ngành mới sẽ tạo cơ hội cũng như thách thức trong giai đoạn phát triển sắp tới của Công ty.



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Quản trị mục tiêu lợi nhuận thông qua các chỉ tiêu Doanh số, Tiến độ và Chi phí

- ✓ Chủ động, linh hoạt với chỉ tiêu doanh số
- ✓ Quản lý tốt tiến độ



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ Tiếp tục kế hoạch tái cơ cấu
- Tạo đột phá đối với những ngành tiềm năng đã tiến hành đầu tư như cung cấp nước, năng lượng tái tạo và đặc biệt là bất động sản công nghiệp
- ✓ Mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất
- Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động kiểm toán và kiểm soát nội bộ, giảm rủi ro về tài chính và hoạt động



Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- ✓ Phát triển các sản phẩm có hiệu năng cao, thân thiện với môi trường phù hợp với nhu cầu và khả năng của người tiêu dùng
- ✓ Ứng dụng tiến bộ công nghệ thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất
- Tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh năng động, thúc đẩy phát triển năng lực cá nhân và tương tác giữa các cá nhân để hình thành đội ngũ lao động có chuyên môn vững, tinh thần hợp tác
- ✓ Nâng cao và hài hòa lợi ích giữa các bên có lợi ích liên quan
- ✓ Xây dựng mô hình doanh nghiệp hoạt động hiệu quả về mặt kinh tế, có trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng



BÁO CÁO TÌNH HÌNH  
HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

---



## Báo cáo tình hình hoạt động năm 2023

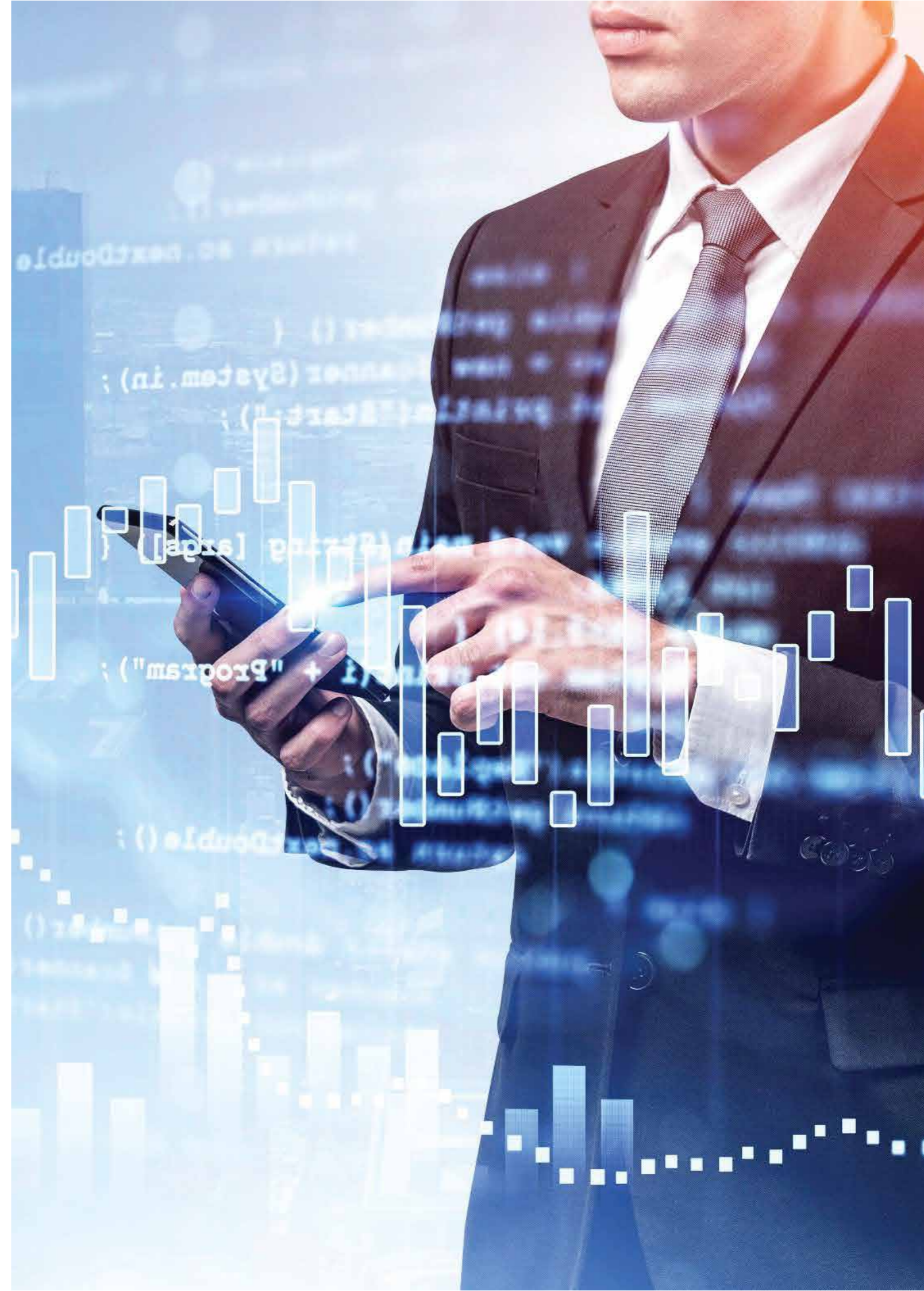
### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### ❖ Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận gộp theo sản phẩm:

Ngành	ĐVT	Sản lượng	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
Gia dụng	cái/bộ	423,009	1,181,843,105,698	940,401,608,057	241,441,497,640
Công nghiệp	Kg/m3	27,140,418	1,786,553,795,286	1,711,949,072,957	74,604,722,329
Năng lượng	cái/kwh	57,899	273,986,602,977	194,245,733,745	79,740,869,233
Nước	m3	8,520,228	48,405,758,560	52,789,921,198	(4,384,162,638)
Khác		-	6,314,556,016,534	5,869,123,919,580	445,432,096,954
<b>Tổng:</b>		<b>36,141,554</b>	<b>9,605,345,279,055</b>	<b>8,768,510,255,537</b>	<b>836,835,023,518</b>

#### ❖ Sản lượng, doanh thu theo thị trường:

Châu lục	Sản lượng	Doanh thu thuần
Châu Á	14,040,760	990,646,775,967
Châu Âu	1,365,410	85,235,092,629
Châu Mỹ	2,047,971	157,060,911,503
Châu Phi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17,454,141</b>	<b>1,232,942,780,099</b>



## Báo cáo tình hình hoạt động năm 2023

### ❖ Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ % Thực hiện năm 2023 so với năm 2022	Tỷ lệ % Thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu (tỷ đồng)	8,214	8,000	9,781	119%	122%
2	Lợi nhuận sau thuế (tỷ)	97	80	59	61%	74%
3	Cổ tức	-	8%	0%	0%	0%

Chỉ tiêu Doanh thu tăng 119% so với cùng kỳ năm trước và 122% so với kế hoạch là do Doanh thu từ các sản phẩm chủ lực ở thị trường trong nước và xuất khẩu, các ngành hàng mới đã có triển vọng Doanh thu tích cực. Tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất giảm chủ yếu do giá vật tư chính tăng bắt nguồn từ những khó khăn của chuỗi cung ứng trên toàn cầu, dẫn đến giá vốn tăng và giảm lợi nhuận gộp.

### TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

#### 3.1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

##### • ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>NGẮN HẠN</b>	<b>349.578.995.123</b>	<b>279.371.670.172</b>
TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN	349.578.995.123	279.371.670.172
<b>DÀI HẠN</b>	<b>5.536.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN	4.536.000.000	4.000.000.000
TRÁI PHIẾU	1.000.000.000	6.000.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>355.114.995.123</b>	<b>289.371.670.172</b>

TRONG ĐÓ, TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN ĐƯỢC DÙNG ĐỂ CẦM CỐ ĐẢM BẢO CHO KHOẢN VAY CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 248.451.089.304 VND.

##### • CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

DỰ ÁN	CHI PHÍ PHÁT SINH TRONG NĂM
DỰ ÁN BẮC CỔ NHUẾ CHÈM	-
DỰ ÁN NƯỚC GIÀ ĐÔNG	1.544.808.986
DỰ ÁN 3 XÃ BÌNH MINH, THANH CAO, THANH MAI	1.184.105.534
DỰ ÁN KCN TAM DƯƠNG	219.009.679.792
DỰ ÁN NHÀ MÁY BÀU BÀNG	107.435.570.953
DỰ ÁN LÀM SẠCH NƯỚC (KHU THIẾT ÚNG ĐÔNG ANH)	60.940.905
DỰ ÁN PHẦN MỀM ASAP	23.960.075.699
DỰ ÁN KHÁC	5.891.584.379
<b>CỘNG</b>	<b>359.086.766.248</b>

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/SH vào ngày 05/06/2021 thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được Công ty dùng để đầu tư “Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Tam Dương I - Khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc” và các dự án đầu tư khác (nếu có). Theo thông báo số 82/QĐ-SGDHCM ngày 08/02/2022 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty quyết định thay đổi đăng ký niêm yết chứng khoán, số tiền thu về từ đợt chào bán cổ phiếu: 496.522.060.000VND. Tính đến ngày 11/01/2024, Công ty đã sử dụng số tiền thu về từ đợt chào bán cổ phiếu: 495.091.046.440VND để triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Tam Dương I - Khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Số tiền thu về từ đợt chào bán cổ phiếu còn lại chưa sử dụng: 1.431.013.560VND, Công ty tiếp tục dùng để triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Tam Dương I - Khu vực 2 trong năm 2024 theo đúng tiến độ thực hiện dự án đã công bố và cam kết.

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	7,331,441,285,512	7,581,785,262,691	3%
Doanh thu thuần	7,977,478,885,843	9,605,345,279,055	20%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	122,308,079,279	106,659,640,926	-13%
Lợi nhuận khác	81,619,249	(2,685,143,957)	-3390%
Lợi nhuận trước thuế	122,389,698,528	103,974,496,969	-15%
Lợi nhuận sau thuế	96,889,769,726	59,089,568,364	-39%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	0% <sup>1</sup>

Các chỉ tiêu khác: Không có

#### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.18	1.15	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0.81	0.90	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.73	0.74	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2.72	2.78	

## Báo cáo tình hình hoạt động năm 2023

Chỉ tiêu	năm 2022	năm 2023	Ghi chú
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2.10	2.97	
+ Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.60	0.66	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.012	0.006	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.049	0.029	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.013	0.008	
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.015	0.011	

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị: Triệu đồng

CÔNG TY	MỐI QUAN HỆ	DOANH THU THUẦN	LỢI NHUẬN GỘP	LN SAU THUẾ
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con trực tiếp	3,595,348,520,669	131,182,765,164	(15,661,267,545)
Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con trực tiếp	184,756,711,950	37,845,287,743	17,950,069,454
Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà	Công ty con trực tiếp	713,174,064	8,419,901	141,819,488
Công ty TNHH MTV KD&PT Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con trực tiếp	3,063,738,307	288,300,830	(3,855,833,529)
Công ty CP Điện Mặt Trời Sơn Hà Free Solar	Công ty con trực tiếp	14,614,188,560	(5,721,010,720)	(9,384,135,266)
Công ty CP Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Công ty con trực tiếp	-	-	(4,702,384)
Công ty CP Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con trực tiếp	71,750,947,087	11,350,865,327	2,099,078,843
Sonha Myanmar International Limited	Công ty con trực tiếp	44,484,347,285	21,399,588,273	13,323,716,046
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công nghiệp Trường Tuyển	Công ty con trực tiếp	-	-	(3,469,368)
Công ty CP Công nghệ xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Công ty con trực tiếp	-	-	(196,114,600)
Công ty CP Tổng công ty Toàn Mỹ	Công ty con trực tiếp	1,021,150,000	711,274,337	(568,987,997)
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Công ty con gián tiếp	406,516,994,307	99,232,328,878	93,482,719,983
Công ty TNHH MTV TB Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con gián tiếp	107,289,152,126	15,166,381,846	(871,959,777)
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con gián tiếp	1,916,798,843,811	121,978,113,755	60,350,969,446
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	Công ty con gián tiếp	243,880,656,807	55,416,109,007	14,073,445,765
Công ty CP ĐT TM & DV Quốc tế Trường Thịnh	Công ty con gián tiếp	5,882,280,998	(242,965,123)	(257,657,896)
Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty LD. LK	108,633,240,104	32,665,670,486	9,361,919,174
Công ty CP Hanssem Sơn Hà Việt Nam	Công ty LD. LK	-	-	-
Công ty CP ĐT&PT Bất động sản Sơn Hà	Công ty LD. LK	-	-	20,817,255
Công ty CP BĐS KCN Sơn Hà Đồng Nai	Công ty LD. LK	-	-	(3,227,279)
Công ty CP Vietnam Commodity Exchange	Công ty LD. LK	-	-	(174,736,914)

# BÁO CÁO QUẢN TRỊ

---

## CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

- Tiếp tục tái cơ cấu mạnh mẽ, tổ chức hoạt động theo mô hình Công ty mẹ – Công ty con, sắp xếp, cơ cấu lại chức năng các Công ty, Phòng/Ban/Trung tâm trực thuộc Công ty mẹ và tại các Đơn vị thành viên, như:
  - + Quyết định phê duyệt sửa đổi Quy chế phân quyền tổng thể Tập đoàn Sơn Hà;
  - + Phê duyệt điều chỉnh sơ đồ tổ chức (SĐTC) Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà;
- Tái cơ cấu và quy hoạch phát triển đa ngành như: Nhận chuyển nhượng, góp vốn, tăng vốn điều lệ; Thành lập, giải thể các chi nhánh Công ty như:
  - + Thành lập Chi nhánh của Công ty CP Quốc tế Sơn Hà tại Hà Nội;
  - + HĐQT đã quyết định phân công công tác đối với các thành viên trong Ban TGD. Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số chức danh như TGD, Phó TGD.
  - HĐQT đã quyết định phân công công tác đối với các thành viên trong Ban TGD, Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số chức danh như TGD, Phó TGD.

## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Quản trị mục tiêu lợi nhuận thông qua các chỉ tiêu Doanh số, Tiến độ và Chi phí. Cụ thể:

- Chủ động, linh hoạt với chỉ tiêu doanh số
- Quản lý tốt tiến độ

. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục kế hoạch tái cơ cấu
- Tạo đột phá đối với những ngành tiềm năng đã tiến hành đầu tư như cung cấp nước, năng lượng tái tạo và đặc biệt là bất động sản công nghiệp
- Mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất
- Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động kiểm toán và kiểm soát nội bộ, giảm rủi ro về tài chính và hoạt động

. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Phát triển các sản phẩm có hiệu năng cao, thân thiện với môi trường phù hợp với nhu cầu và khả năng của người tiêu dùng.
- Ứng dụng tiến bộ công nghệ thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất.
- Tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh năng động, thúc đẩy phát triển năng lực cá nhân và tương tác giữa các cá nhân để hình thành đội ngũ lao động có chuyên môn vững, tinh thần hợp tác.
- Nâng cao và hài hòa lợi ích giữa các bên có lợi ích liên quan.
- Xây dựng mô hình doanh nghiệp hoạt động hiệu quả về mặt kinh tế, có trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

## CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	06/2023/QĐ-SH	03/01/2023	Quyết định về việc điều chỉnh một số nội dung của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Tam Dương I – Khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc”	100%
2	06/2023/QĐ-SH	13/01/2023	Quyết định v/v miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc	100%
3	01/2023/NQ-SH	13/01/2023	NQ về việc thông qua Tờ trình phương án mua lại trái phiếu SHI2124001	100%
4	02/2023/NQ-SH	02/02/2023	NQ v/v cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty TNHH Quản lý vận hành và kinh doanh nước sạch Sơn Hà	100%
5	17/2023/QĐ-SH	20/02/2023	Quyết định v/v miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc	100%
6	03/2023/QĐ-SH	21/02/2023	NQ V/v thông qua việc tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2023	100%
7	04/2023/NQ-SH	21/02/2023	NQ v/v điều chỉnh cơ cấu tổ chức Công ty CP Quốc tế Sơn Hà	100%
8	04A/2023/NQ-SH	21/02/2023	NQ v/v Đề xuất đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Công viên trung tâm và khu đô thị mới Đông Khoái Châu tại xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	100%
9	04B/2023/NQ-SH	21/02/2023	NQ v/v điều chuyển lợi nhuận từ Công ty con về Công ty mẹ	100%
10	05/2023/QĐ-SH	10/4/2023	NQ v/v gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2023	100%

## CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

11	06/2023/NQ-SH	11/4/2023	NQ về việc thông qua việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
12	54/2023/QĐ-SH	25/4/2023	Quyết định v/v bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc	100%
13	07/2023/NQ-SH	30/05/2023	NQ v/v bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028	100%
14	08/2023/NQ-SH	26/6/2023	NQ v/v lựa chọn Tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023	100%
15	09/2023/QĐ-SH	31/7/2023	NQ v/v thành lập Chi nhánh Quản lý vận hành và Kinh doanh nước sạch của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	100%
16	10/2023/QĐ-SH	20/9/2023	NQ v/v phê duyệt điều chỉnh sơ đồ tổ chức công ty CP Quốc tế Sơn Hà	100%
17	11/2023/QĐ-SH	20/9/2023	NQ v/v phân công công tác trong HĐQT Tập đoàn	100%
18	12/2023/NQ-SH	09/10/2023	NQ v/v đăng ký, lưu ký trái phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch trái phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)	100%
19	13/2023/NQ-SH	21/11/2023	NQ v/v phân công công tác trong BDH Tập đoàn	100%
20	14/2023/NQ-SH	07/12/2023	NQ v/v miễn nhiệm và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty	100%

Các quyết định đều tuân thủ theo đúng quy trình, thẩm quyền và trách nhiệm của HĐQT Công ty:

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp): Tuân thủ theo quy chế, quy định của Công ty và pháp luật có liên quan.

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Chưa.

## HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

### DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (ĐẾN NGÀY 31/12/2023)

	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỈ LỆ SỞ HỮU
I	Bà: Nguyễn Thị Gấm	- Trưởng ban	0%
II	Ông: Nguyễn Thanh Tùng	- Thành viên	0%
III	Trần Thị Thảo	- Thành viên	0%

BKS hoạt động trên cơ sở kết hợp giữa việc giám sát thường xuyên và giám sát định kỳ tình hình hoạt động của doanh nghiệp theo quyền hạn và trách nhiệm quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Trong quá trình hoạt động, BKS luôn giữ thái độ nghiêm túc, khách quan, cẩn trọng khi kiểm soát, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và giám sát việc tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2023 của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD).

BKS đã tiến hành rà soát tình hình hoạt động của Công ty, xem xét báo cáo tài chính, tổ chức họp cùng Ban TGD, bộ phận tài chính, tổ chức kiểm toán. Qua đó, BKS đưa ra nhận xét đồng ý về cơ bản với các báo cáo về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty do Ban TGD và tổ chức kiểm toán đã đưa ra.

Các hoạt động của Công ty đã tuân thủ yêu cầu quy định trong hệ thống quản trị nội bộ. Việc kiểm soát, rà soát quá trình hoạt động và tình hình tài chính được thực hiện nghiêm túc, kịp thời phát hiện vấn đề và có các giải pháp phù hợp.

BKS đã tiếp cận, rà soát một cách độc lập, khách quan các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động và các quyết định của HĐQT, BTGD. BKS cũng được cung cấp một cách tương đối đầy đủ các tài liệu liên quan. Đồng thời, BKS vẫn luôn giữ liên hệ với các cổ đông, tiếp thu ý kiến phản hồi của các cổ đông.

**Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

Thù lao của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được thực hiện theo nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể:

**THÙ LAO CỦA HĐQT**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO (TRIỆU ĐỒNG)	GHI CHÚ
I	Lê Vinh Sơn	Chủ tịch HĐQT	106.361.223	Tái bổ nhiệm 30/05/2023
II	Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	39.885.459	Tái bổ nhiệm 30/05/2023
III	Phạm Thế Hùng	Thành viên HĐQT	23.377.310	Bầu cử ngày 30/5/2023
IV	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên HĐQT	23.377.310	Bầu cử ngày 30/5/2023
V	Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập HĐQT	39.885.459	Tái bổ nhiệm 30/05/2023
VI	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập HĐQT	39.885.459	Tái bổ nhiệm 30/05/2023

**THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO (TRIỆU ĐỒNG)	GHI CHÚ
I	Nguyễn Thị Gấm	Trưởng ban	38.133.333	Bầu cử ngày 30/5/2023
II	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	14.066.667	Bầu cử ngày 30/5/2023
III	Trần Thị Thảo	Thành viên	14.066.667	Bầu cử ngày 30/5/2023

- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

- Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: *Chi tiết xem tại Mục VI, Mục VIII – Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2023.*

- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Trong năm 2023, Công ty đã xây dựng và hoàn thiện tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, ngành nghề kinh doanh, mục tiêu, chiến lược kinh doanh.

- Hoàn thiện được bộ máy tổ chức xuyên suốt và thống nhất trong toàn Tập đoàn theo hướng Công ty mẹ trở thành Holding, các đơn vị thành viên được sắp xếp.

- Hoàn thiện hệ thống thể chế (gồm các Văn bản quy định/quy chế: Quản trị tập trung và theo ngành dọc từ Công ty mẹ), cụ thể:

\* Sơ đồ tổ chức

+ Điều lệ, quy chế quản trị nội bộ, nội quy lao động...

+ Quy chế quản lý người đại diện của Sơn Hà tại các đơn vị

+ Quy chế phân quyền tổng thể của Tập đoàn Sơn Hà: Phân công, phân nhiệm, ủy quyền...

+ Quy chế quản lý tài chính, đầu tư

+ Các quy chế TCHĐ của các Ban/TT Chuyên môn, theo ngành dọc từ Tập đoàn đến các đơn vị thành viên

- Số hóa mạnh mẽ ở các hoạt động trọng yếu: Sản xuất, kinh doanh, tài chính, kế toán mua hàng, chuỗi cung ứng.

- Có chiến lược nhân sự rõ ràng: Quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực, tập trung phát triển đào tạo và tinh nhuệ bộ máy.

- Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp, lan tỏa được tới tất cả các đơn vị trực thuộc, các khách hàng, đối tác

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

Cơ cấu cổ đông chốt ngày 13/12/2022

TT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	29.955.532	18,51	2	1	1
	Trong nước	29.955.532	18,51	2	1	1
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	318,860	-	1	1	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	131.902.057	81,49	3.500	29	3.500
	Trong nước	131.725.559	81,38	3.448	20	3.448
	Nước ngoài	176.498	0,11%	52	9	43
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>162,176,449</b>	<b>100%</b>	<b>3.500</b>	<b>29</b>	<b>3.500</b>
	Trong nước	161,857,589	99,89%	3.448	20	3.448
	Nước ngoài	176.498	0,11%	52	9	43

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

STT	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn DL sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý Đơn vị cấp
2007		41.000	Vốn điều lệ ban đầu sau khi chuyển đổi doanh nghiệp Mệnh giá CP: 10.000 đồng/ CP	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103020425 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/10/2007.
Lần 1: 2008	79.000	120.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (là cổ đông sáng lập)	- Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/2008/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/01/2008 - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0103020425 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 10/04/2008.
Lần 2: 2009	30.000	150.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, cán bộ chủ chốt	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/09/2009 - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0103020425 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 06/07/2010.
Lần 3: 2010	100.000	250.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cho các đối tượng khác và cho nhà đầu tư chiến lược	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/03/2010 - Công văn chấp thuận số 571/UBCK-GCN ngày 26/05/2010 của UBCKNN - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở KHĐT TP. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 05/01/2011.
Lần 4: 2011	17.107,23	267.107,23	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2011 - Công văn chấp thuận ngày 13/07/2011 của UBCKNN - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 04/06/2012.
Lần 5: 08/2014	70.000	337.107,23	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/07/2014 - Giấy chứng nhận chào bán số 57/GCN-UBCK ngày 16/07/2014 của UBCKNN - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 12/12/2014
Lần 6: 11/2014	30.000	367.107,23	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/07/2014 - Công văn chấp thuận số 6287/UBCK-QLPH ngày 10/11/2014 của UBCKNN - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 09/03/2015
Lần 7: 09/2015	180.000	547.107,23	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2015 - Giấy chứng nhận chào bán số 55/GCN-UBCK ngày 04/08/2015 của UBCKNN - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 14 ngày

Lần 9: 09/2017	30.429,03	642.324,06	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2017 - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 17/10/2017
Lần 10: 05/2018	31.949,31	674.273,37	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ 27/04/2018 - Văn bản của UBCKNN ngày 07/05/2018 về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 17/10/2017
Lần 11: 08/2018	179.600	853.873,37	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ 27/04/2018 - Văn bản số 6925/UBCK-QLCB ngày 10/10/2018 của UBCKNN về kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi của SHI - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 27/11/2018
Lần 12: 06/2019	17.008,44	870.881,81	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ 25/04/2019 - Văn bản của UBCKNN ngày 14/05/2019 về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 01/08/2019
Lần 13: 10/2020	43.377,46	914.259,27	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020 - Văn bản của UBCKNN về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 18/12/2020
Lần 14: 06/2021	91.097,8	1.005.357,07	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020 - Văn bản số 3750/UBCK-QLCB ngày 20/07/2021 của UBCKNN về kết quả phát hành - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 18/8/2021
Lần 15	496.522	1.501.879	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	- Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/SH ngày 05/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty. - Văn bản số 281/UBCK-QLCB ngày 14/01/2022 của UBCKNN v.v báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của SHI - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 04/5/2022
Lần 16	119.885	1.621.764	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	- Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/SH ngày 15/04/2022 của ĐHĐCĐ Công ty - Theo Văn bản số 6013/UBCK-QLCB của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước ngày 08/09/2022 - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 29/9/2022

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Tổng số cổ phiếu quỹ của Công ty là 318,860 cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không có



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Công ty luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào công tác điều hành, sản xuất nhằm bảo vệ môi trường tốt hơn.
- Trong năm 2023, Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường
- Công ty đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động, đảm bảo được việc làm, tiền lương, chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ khác cho người lao động.
- Công ty luôn thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, hỗ trợ các chương trình do địa phương phát động.

## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Tác động lên môi trường:

Lượng phát thải khí nhà kính GHG của tập đoàn Sơn Hà chủ yếu phát sinh trực tiếp do sử dụng điện và gas phục vụ cho quá trình sản xuất. Tổng lượng khí nhà kính GHG phát sinh năm 2023 khoảng: 14,607 Ton CO<sub>2</sub>.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: BNH, SSP, TM1 Sử dụng điện áp mái mặt trời nhằm tiết kiệm điện năng tối đa cho hoạt động sản xuất; Sử dụng đèn năng lượng mặt trời thay thế bóng đèn sử dụng điện lưới

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- ▶ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

#### TỔNG LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU SẢN XUẤT

TT	HẠNG MỤC THỐNG KÊ	ĐƠN VỊ TÍNH	TỔNG LƯỢNG SỬ DỤNG 2023
1	Tổng lượng nguyên vật liệu sản xuất	Inox, tôn, thép, nhôm, thủy tinh, nhựa, phụ kiện khác	Tấn 65,523
2	Nguyên vật liệu đóng gói	Tem nhãn, túi nilon, thùng carton, băng dính, màng co, dây buộc, gỗ pallet	Tấn 232

- ▶ Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không thống kê

### Tiêu thụ năng lượng

- ▶ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

#### TỔNG LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU SẢN XUẤT

TT	HẠNG MỤC THỐNG KÊ	ĐƠN VỊ TÍNH	TỔNG LƯỢNG SỬ DỤNG 2023
1	Điện	Kwh	18,468,603
2	Gas	Tấn	217

- ▶ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
- ▶ Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không
- ▶ Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)
- ▶ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:  
Tất cả nhà máy thuộc tập đoàn Sơn Hà đều sử dụng nguồn nước sạch. Tổng lượng sử dụng 2023: 105.301 m<sup>3</sup>
- ▶ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không thống kê

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- ▶ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không.

- ▶ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không



## CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lượng lao động năm 2023: 484 CBNV
- Số lao động TB/năm 2023: 494 CBNV/tháng
- Mức lương TB: 15.575.000/VND/người

### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Hàng năm, Tập đoàn Sơn Hà tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV vào tháng 9, 10. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng có những gói bảo hiểm sức khỏe nhân thọ cho cấp cán bộ quản lý cấp cao.

Ngoài các chế độ về lương, thưởng, lãnh đạo Tập đoàn cũng vô cùng quan tâm đến các chế độ phúc lợi dành cho CBNV.

Cụ thể:

#### TT CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI

1	Tết Dương lịch 01/01
2	Tết Âm lịch
3	Ngày Quốc tế phụ nữ 08/03
4	Ngày chiến thắng 30/04 - Quốc tế lao động 01/05
5	Ngày Quốc khánh 02/09
6	Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10

#### TT CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI

7	Ngày Tết Thiếu nhi 01/06
8	Ngày Tết Trung thu
9	Sinh nhật Người lao động
10	Nghỉ mát hè: 01 lần/năm
11	Thăm hỏi Người lao động ốm đau, hiếu hỉ
12	Thưởng sáng kiến, cải tiến, kaizen

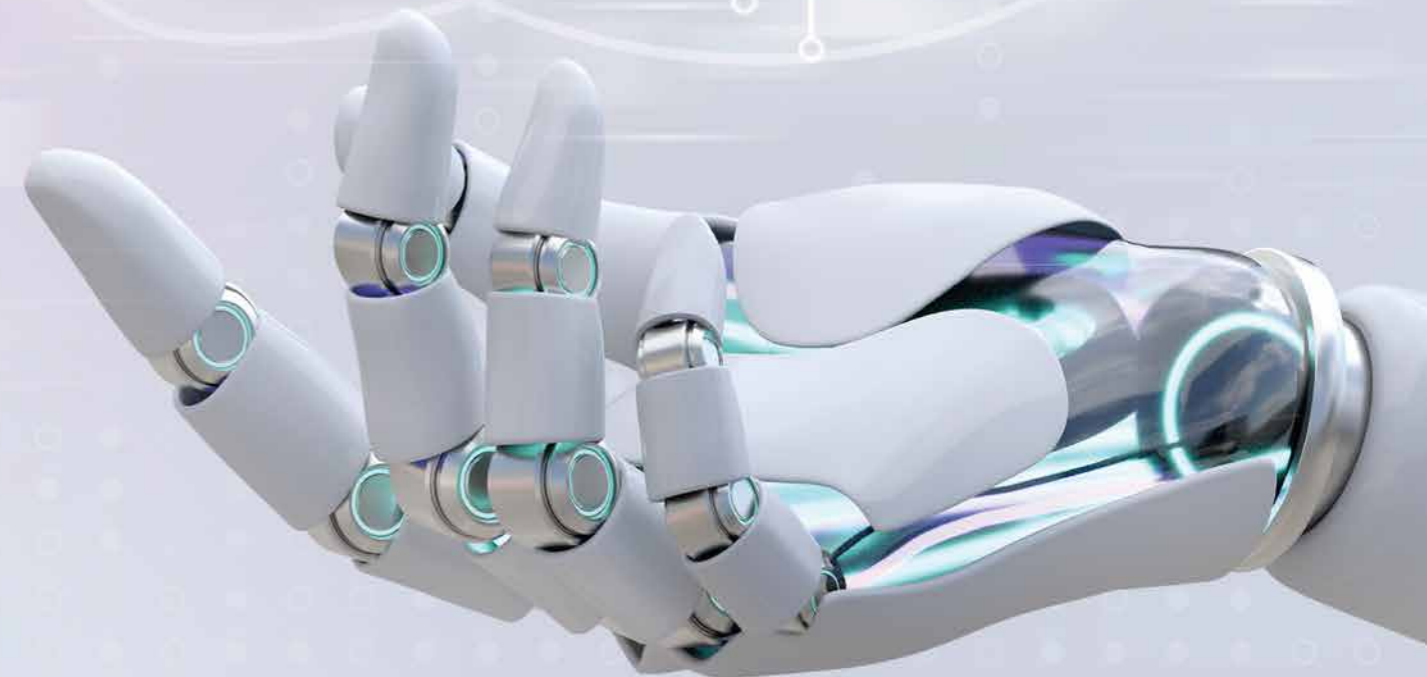
### Hoạt động đào tạo

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Mỗi CB Quản lý tham gia đào tạo trung bình 21,5h/ năm
- Mỗi CB cấp Chuyên viên, Nhân viên tham gia đào tạo trung bình 35.1h/ năm
  - Mỗi nhân viên kinh doanh tham gia đào tạo trung bình 34,7h/ năm
  - Mỗi nhân viên thuộc lĩnh vực chuyên môn tham gia đào tạo trung bình 39,8h/ năm
  - Mỗi nhân viên an ninh, lễ tân, tạp vụ tham gia đào tạo trung bình 22h/ năm

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

- Phát triển đào tạo Online dựa trên hình thức trực tuyến Elearning
- Chương trình đào tạo nâng cao nhận thức: Nhận thức ISO và Đánh giá viên nội bộ, Văn hóa ứng xử, Quan hệ lao động, Pháp luật lao động
- Chương trình đào tạo kỹ năng mềm quan trọng cần thiết cho thế kỷ 21: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp, Tư duy tích cực, Kỹ năng quản trị sự thay đổi, Trí tuệ cảm xúc EQ, tư duy phản biện,..
- Chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: Bán hàng, Kế toán, Nhân sự, Marketing, Đào Kỹ năng phát triển sản phẩm mới, Kỹ năng tuyển dụng nhân sự giai đoạn thời đại số,...
- Chương trình đào tạo quản lý cho Quản lý cấp Trung
- Chương trình đào tạo đội ngũ Giảng viên nội bộ Train the trainer,...



### HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Cùng với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong năm 2023, Tập đoàn Sơn Hà đã thực hiện các hoạt động cộng đồng, ủng hộ các tổ chức, đoàn thể trong cả nước.

- Ký kết biên bản thỏa thuận chương trình phúc lợi đoàn viên, ngư dân Nghiệp đoàn Nghề cá VN năm 2023 tại Nha Trang, Khánh Hòa.



- Tài trợ xe máy điện EVGO cho cuộc thi Đại sứ tuyên truyền lịch sử, văn hóa Thăng Long- Hà Nội



- Tập đoàn Sơn Hà trao quà cho các hộ dân khó khăn tại Lạng Sơn



- Đồng hành cùng các cơ quan thông tấn báo chí hỗ trợ sản phẩm gia dụng cho các hộ dân tại vùng cao Mù Cang Chải (Yên Bái) và Mộc Châu (Sơn La)



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã hai mươi tư (24) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ hai mươi tư (24) ngày 29 tháng 9 năm 2022 về việc tăng vốn điều lệ.

### Trụ sở chính

-Địa chỉ : Số 2 phố Thanh Lâm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
-Điện thoại : (024) 62 65 65 66  
-Fax : (024) 62 65 65 88

### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Dương	Thôn Cẩm Khê, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Hải Dương 2	Khu dân cư Ninh Chấp 7, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Phú Thọ	Khu 7, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh Ninh Bình	Phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành Phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
Chi nhánh Ninh Bình 2	Km2, đường 12 B, phố Tân Nhất, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
Chi nhánh Hà Nam	Số nhà 81, đường Lê Hoàn, tổ 6, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
Chi nhánh Hà Nam 2	Xóm 3, xã Tràng An, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
Chi nhánh Xuân Mai	Thôn Xuân Thủy, xã Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội
Chi nhánh Sóc Sơn	Thôn Phù Mã, xã Phù Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Thái Nguyên	Xóm 8, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Thái Nguyên 2	Tổ 3, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Tuyên Quang	Thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Sơn Tây	Quốc Lộ 21, thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nội
Chi nhánh Cẩm Phả	Tổ 1, khu Trung Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Yên Bái	Tổ 2, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Chi nhánh Vĩnh Phúc	Đường Nguyễn Tất Thành, Khu tái định cư Hán Lữ, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Chi nhánh Sơn La	Đường Lê Duẩn, tổ 4, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Sơn La 2	Số nhà 18, Tiểu khu Tiến Tiến, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Hòa Bình	Xóm 1, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Bắc Giang	Thôn 9, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Giang 2	Thôn Già Khê, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Giang 3	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Giang 4	Khu công nghiệp Dĩnh Kế, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ
Chi nhánh Thái Bình	Thôn Lê Lợi 1, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Thái Bình 2	Xóm 7, thôn Trình Trung Đông, xã Anh Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Bắc Ninh	Km2 đường Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh Cao Bằng	Tổ 11 Thâm Hoảng I, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Chi nhánh Quốc Oai	Thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Lạng Sơn	Thôn Khòn Pát, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh Nam Định	Km 3,5 đường S2, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
Chi nhánh Nam Định 2	Khu 3, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
Chi nhánh Hưng Yên	Km 12, thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Hưng Yên 2	Đội 7, thôn Phương Thông, xã Phương Chiểu, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Lào Cai	Nhà ông Vinh, đường N4 và E13 tiểu Khu đô thị số 4, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
Chi nhánh Quảng Ninh 2	Tổ 79, khu 7, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
Chi nhánh Quảng Ninh 3	Khu Quy Hoạch Trại Tinh, phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Điện Biên	Đội 7A, Hợp tác xã Pom Lót, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
Chi nhánh Phú Thọ 2	Khu 7, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh Hà Giang	Tổ 8, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
Chi nhánh Đông Anh	Thôn Tiên Hùng, Xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Vĩnh Phúc 2	Phố Phú Lâm, thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
Chi nhánh Lai Châu	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Bắc Kạn	Số 193, tổ 9, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
Chi nhánh Quản lý Vận hành và Kinh doanh nước sạch Sơn Hà	Số 2 phố Thanh Lâm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Hoạt động kinh doanh của Công ty

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa,...;
- Cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp;

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/TÁI BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Ông Lê Vinh Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Ông Phạm Thế Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Phương Nam 2023	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Ông Đào Nam Phong	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Ông Kiều Đức Lâm	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Ông Đỗ Thành Tâm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2023
Ông Phạm Thế Hùng	Phó Phó Tổng Giám đốc thường trực	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2022
Ông Nguyễn Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2023
Ông Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023

#### BAN KIỂM SOÁT

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/TÁI BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Trưởng ban	Ngày 05 tháng 6 năm 2021
Bà Trần Thị Thủy	Thành viên	Ngày 05 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	Ngày 05 tháng 6 năm 2021

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Vinh Sơn - Chủ tịch HĐQT.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Hội đồng quản trị

Lê Vinh Sơn  
Chủ tịch hội đồng quản trị

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 07 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5,610,598,077,038</b>	<b>5,593,072,607,685</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>79,184,958,927</b>	<b>183,916,538,854</b>
1. Tiền	111		73,437,417,838	152,658,433,660
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,747,541,089	31,258,105,194
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>349,578,995,123</b>	<b>279,371,670,172</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	349,578,995,123	279,371,670,172
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3,892,309,100,432</b>	<b>3,282,906,068,834</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3,017,814,778,010	2,207,588,963,493
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	536,502,480,769	809,451,099,577
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	45,154,300,000	8,843,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	304,082,328,718	268,252,439,833
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11,509,087,818)	(11,456,793,632)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		264,300,753	227,359,563
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>1,218,736,777,919</b>	<b>1,734,810,426,539</b>
1. Hàng tồn kho	141		1,218,798,866,186	1,734,872,514,806
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(62,088,267)	(62,088,267)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>70,788,244,637</b>	<b>112,067,903,286</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	23,948,570,136	23,285,418,664
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45,700,231,114	87,141,202,560
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1,139,443,387	1,641,282,062
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,971,187,185,653</b>	<b>1,738,368,677,827</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3,205,070,795</b>	<b>5,373,973,060</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4,000,473,028	6,169,375,293
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(795,402,233)	(795,402,233)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,181,866,869,045</b>	<b>819,922,687,142</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	623,335,763,659	675,288,798,218
Nguyên giá	222		1,318,206,631,229	1,298,126,216,940
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(694,870,867,570)	(622,837,418,722)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	106,421,796,465	129,196,125,830
Nguyên giá	225		150,702,453,292	161,634,558,499
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(44,280,656,827)	(32,438,432,669)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	452,109,308,921	15,437,763,094
Nguyên giá	228		466,076,986,993	28,042,492,636
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13,967,678,072)	(12,604,729,542)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>514,649,115,758</b>	<b>614,690,181,587</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	514,649,115,758	614,690,181,587
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>184,937,461,187</b>	<b>189,115,949,282</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	176,691,461,187	176,405,949,282
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	34,115,778,616	34,115,778,616
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(31,405,778,616)	(31,405,778,616)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5,536,000,000	10,000,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>86,528,668,868</b>	<b>109,265,886,756</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	83,967,982,585	105,992,084,233
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	2,560,686,283	3,273,802,523
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>7,581,785,262,691</b>	<b>7,331,441,285,512</b>

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5,574,367,496,271</b>	<b>5,360,130,310,812</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4,863,763,473,580</b>	<b>4,756,801,269,779</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	429,639,738,994	525,341,856,258
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	150,812,166,759	339,476,216,502
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	75,774,927,167	34,731,035,458
4. Phải trả người lao động	314		28,139,934,146	37,475,634,374
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	10,566,718,718	24,465,468,300
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		13,326,610	16,880,363
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	853,269,456,888	725,067,870,051
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	3,307,175,324,932	3,059,479,818,362
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2,694,359,779	2,607,057,400
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	5,677,519,587	8,139,432,711
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>710,604,022,691</b>	<b>603,329,041,033</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	241,588,000,000	5,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	468,101,317,614	602,346,790,069
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		914,705,077	977,250,964
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2,007,417,766,420</b>	<b>1,971,310,974,700</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>2,007,417,766,420</b>	<b>1,971,310,974,700</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,621,764,490,000	1,621,764,490,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,621,764,490,000	1,621,764,490,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(47,906,902,648)	(47,906,902,648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		67,309,880,000	57,652,066,000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4,186,322,972)	(4,186,322,972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(5,116,836,291)	(5,900,529,340)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38,865,623,775	38,668,039,933
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		268,432,956	268,432,956
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69,467,000,066	63,340,541,794
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		52,978,087,816	63,340,541,794
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16,488,912,250	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		266,952,401,534	247,611,158,977
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>7,581,785,262,691</b>	<b>7,331,441,285,512</b>

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Vinh Sơn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>9,780,654,605,019</b>	<b>8,214,248,495,304</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	175,309,325,964	236,769,609,461
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>9,605,345,279,055</b>	<b>7,977,478,885,843</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	8,768,510,255,537	7,075,693,004,493
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>836,835,023,518</b>	<b>901,785,881,350</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>	<b>VI.4</b>	<b>84,624,064,675</b>	<b>101,047,265,163</b>
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>	<b>VI.5</b>	<b>365,891,357,089</b>	<b>351,993,911,363</b>
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		318,142,487,613	251,806,134,120
<b>8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>24</b>		<b>285,511,905</b>	<b>91,142,445</b>
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	287,175,971,417	351,669,824,574
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	162,017,630,666	176,952,473,742
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>106,659,640,926</b>	<b>122,308,079,279</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.8	3,868,487,404	5,527,808,388
13. Chi phí khác	32	VI.9	6,553,631,361	5,446,189,139
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(2,685,143,957)</b>	<b>81,619,249</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>103,974,496,969</b>	<b>122,389,698,528</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		44,884,928,605	25,499,928,802
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>59,089,568,364</b>	<b>96,889,769,726</b>
<b>19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</b>	<b>61</b>		<b>16,488,912,250</b>	<b>67,752,134,520</b>
<b>20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>62</b>		<b>42,600,656,114</b>	<b>29,137,635,206</b>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	102	463
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	102	463

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Vinh Sơn

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>103,974,496,969</b>	<b>122,389,698,528</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2		93,204,322,901	89,822,135,047
- Các khoản dự phòng	3		77,050,678	184,941,729
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		(3,316,313,939)	(8,734,215,834)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(56,658,537,812)	(43,957,534,369)
- Chi phí lãi vay	6		318,142,487,613	251,806,134,120
- Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>455,423,506,410</b>	<b>411,511,159,221</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(476,049,690,639)	(68,985,896,566)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		516,073,648,620	(147,831,251,282)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		71,129,251,366	(126,107,928,663)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		21,360,950,176	20,086,710,143
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(330,690,738,286)	(249,709,709,173)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(18,184,192,707)	(26,710,464,724)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(2,658,019,500)	(4,524,400,648)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>236,404,715,440</b>	<b>(192,271,781,692)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(387,920,191,279)	(1,110,298,575,195)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		728,562,039	25,809,731,977
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(289,757,115,991)	(193,757,695,459)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		187,702,491,040	88,872,624,983
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b	-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		56,710,541,214	41,662,815,242
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(432,535,712,977)</b>	<b>(1,147,711,098,452)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.23a	-	496,522,060,000
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33	V.20	8,456,068,466,278	7,508,903,195,071
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(8,331,712,341,234)	(6,597,858,161,927)
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(28,564,121,549)	(36,615,192,664)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(4,275,211,087)	(20,287,730,993)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>91,516,792,408</b>	<b>1,350,664,169,487</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(104,614,205,129)</b>	<b>10,681,289,343</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>183,916,538,854</b>	<b>173,879,995,491</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(117,374,798)	(644,745,980)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>79,184,958,927</b>	<b>183,916,538,854</b>

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Vĩnh Sơn

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa,...;
- Cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 16 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

##### Cam kết góp vốn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109318947 ngày 21 tháng 8 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Quản lý Vận hành và Kinh doanh nước sạch Sơn Hà, trụ sở chính: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, vốn đầu tư cam kết là 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thực hiện góp vốn theo cam kết.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

CÔNG TY CON TRỰC TIẾP					
TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	TỶ LỆ VỐN GÓP THEO CAM KẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYẾT BIỂU QUYẾT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%	54,26%	54,26%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	50,38%	50,38%	50,38%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	85%	93,3%	93,3%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Son Ha Myanmar International Limited	No. 33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Bauktaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,51%	52,51%	52,51%
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyển	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất nước thương mại	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà FreeSolar	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện	90%	90%	90%
Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Dịch vụ Logistic	100%	100%	100%
Công ty Cổ Phần Giải Pháp Công Nghệ Nước và Môi Trường Sơn Hà GM Việt Nam	Số 2 phố Thanh Lâm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước thương mại	51%	100%	100%

## CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	TỶ LỆ VỐN GÓP THEO CAM KẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	72,49%	74,34%
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng gia dụng và công nghiệp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	36,97%	51%

## 5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	TỶ LỆ VỐN GÓP THEO CAM KẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,10%	20,10%	20,10%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ	30%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Số 2 phố Thanh Lâm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	30%	33,71%	33,71%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	Tầng 13 Tòa Capital Place số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Tầng 13 Tòa Capital Place số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Đại lý, môi giới, đấu giá	30%	40,58%	40,58%



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có... nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 2.075 nhân viên)

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu).

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 5. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí Showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Chi phí Showroom***

Chi phí Showroom được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

#### ***Chi phí sửa chữa tài sản***

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Chi phí quảng cáo, thuê nhà***

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>04 - 50</b>
<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>03 - 15</b>
<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>03 - 15</b>
<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>03 - 10</b>
<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>05 - 25</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	SỐ NĂM
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10

### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất, từ 20 - 50 năm.

#### **Chương trình phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 20 năm.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ bao gồm dự phòng bảo hành sản phẩm, được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành.

### 16. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

### 21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	10.382.627.269	22.433.358.545
Tiền gửi ngân hàng	63.054.790.569	130.225.075.115
Các khoản tương đương tiền (là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống) <sup>(*)</sup>	5.747.541.089	31.258.105.194
<b>Cộng</b>	<b>79.184.958.927</b>	<b>183.916.538.854</b>

(\*) Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn được dùng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay các ngân hàng thương mại có số dư là 823.203.616 VND.

### 1. Các khoản đầu tư tài chính

#### 1a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>349.578.995.123</b>	<b>279.371.670.172</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	349.578.995.123	279.371.670.172
<b>Dài hạn</b>	<b>5.536.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	4.536.000.000	4.000.000.000
Trái phiếu	1.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>355.114.995.123</b>	<b>289.371.670.172</b>

Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn được dùng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay các ngân hàng thương mại có số dư là 248.451.089.304 VND.

Toàn bộ số dư khoản trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đang được cầm cố thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh ngay sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh ngay sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.259.031.850	1.341.037.536	13.600.069.386	12.259.031.850	663.373.086	112.922.404.936
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	45.000.000.000	65.829.167	45.065.829.167	45.000.000.000	58.744.042	45.058.744.042
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	60.000.000.000	(3.272.172)	59.996.727.828	160.000.000.000	(2.303.988)	59.997.696.012
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	45.000.000.000	(471.165.194)	44.528.834.806	145.000.000.000	(72.895.708)	44.927.104.292
<b>Cộng</b>	<b>175.759.031.850</b>	<b>932.429.337</b>	<b>176.691.461.187</b>	<b>175.759.031.850</b>	<b>646.917.432</b>	<b>176.405.949.282</b>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	SỐ ĐẦU NĂM	LÃI LỖ CÔNG TY LIÊN KẾT	CHI TRẢ CỔ TỨC	GIẢM DO CÔNG TY LIÊN KẾT TRÍCH LẬP QUỸ	SỐ CUỐI NĂM
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.922.404.936	1.881.619.055	(755.176.500)	(448.778.105)	13.600.069.386
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	13.500.000.000	-	-	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển BĐS Sơn Hà	45.058.744.042	7.085.125	-	-	45.065.829.167
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	59.997.696.012	(968.184)	-	-	59.996.727.828
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	44.927.104.292	(398.269.486)	-	-	44.528.834.806
<b>Cộng</b>	<b>176.405.949.282</b>	<b>1.489.466.510</b>	<b>(755.176.500)</b>	<b>(448.778.105)</b>	<b>176.405.949.282</b>

#### Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty liên kết mới thành lập đang trong giai đoạn chuẩn bị công tác ban đầu để đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### Giao dịch với các công ty liên kết

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn, cụ thể:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Nhận cổ tức từ Cấp thoát nước Lạng Sơn	755.176.500	755.176.500
Cung cấp dịch vụ cho Cấp thoát nước Lạng Sơn	908.536.364	1.376.288.030
<b>Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ cho Sơn Hà Hanseem	-	90.000.000

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>				
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	31.405.778.616	(31.405.778.616)	31.405.778.616	(31.405.778.616)
Công ty Bất động sản Havico	2.710.000.000	-	2.710.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>34.115.778.616</b>	<b>(31.405.778.616)</b>	<b>34.115.778.616</b>	<b>(31.405.778.616)</b>

### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>8.213.080.098</b>	<b>13.750.701.288</b>
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	2.909.267.633	9.597.076.711
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	3.652.520.804	2.653.130.804
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	710.013.661	707.715.773
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Dịch vụ SAKURA	-	49.500.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	297.000.000	99.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	644.278.000	644.278.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>3.009.601.697.912</b>	<b>2.193.838.262.205</b>
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	383.566.082.763	244.490.374.514
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	401.711.920.538	186.906.054.992
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	424.376.770.198	139.840.620.133
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu xuyên Thái Bình Dương	186.944.372.379	146.934.276.619
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Thiên Phú	317.435.143.800	166.098.424.944
Các khách hàng khác	1.295.567.408.234	1.309.568.511.003
<b>Cộng</b>	<b>3.017.814.778.010</b>	<b>2.207.588.963.493</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>12.486.260.356</b>
Công ty Cổ Phần Thương mại Đầu tư Phương Nam	-	12.486.260.356
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>536.502.480.769</b>	<b>796.964.839.221</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	316.920.388.000	370.580.000.000
<i>Trong đó: Tạm ứng Dự án Tam Dương<sup>(i)</sup></i>	<i>316.920.388.000</i>	<i>334.500.000.000</i>
<i>Trả trước tiền mua hàng</i>	<i>-</i>	<i>36.080.000.000</i>
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy Thăng Long <sup>(i)</sup>	28.938.472.282	20.005.600.000
Công ty Cổ Phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM <sup>(i)</sup>	7.605.272.607	7.605.272.606
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An <sup>(i)</sup>	46.800.000.000	46.800.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Đức Phong	3.440.464.642	47.800.000.000
Các nhà cung cấp khác	132.797.883.238	304.173.966.615
<b>Cộng</b>	<b>536.502.480.769</b>	<b>809.451.099.577</b>

(\*) Các khoản tạm ứng cho nhà cung cấp thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2:

Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc theo hợp đồng số 001/2022/HĐTCXD-SHI ngày 06/01/2022 về việc cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình hạ tầng công nghiệp thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2, giá trị hợp đồng 720 tỷ VND, thời gian thực hiện 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.

Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An theo hợp đồng số 002/2022/HĐTCXD-SHI ngày 10/01/2022 về việc thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống xử lý nước thải thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2, giá trị hợp đồng 108,8 tỷ VND, thời gian thực hiện 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.

Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy Thăng Long theo hợp đồng thi công xây dựng số 001/2022/HĐTCXD-SHI-TFC ngày 28/12/2022 về việc thi công hệ thống Phòng cháy chữa cháy thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2, giá trị hợp đồng 77,5 tỷ VND, thời gian thực hiện 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.

Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM theo hợp đồng thi công xây dựng số 001/2022/HĐTCXD-SHI-ETM ngày 28/12/2022 về việc thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống nước sạch thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2, giá trị hợp đồng 25,3 tỷ VND, thời gian thực hiện 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.

Ngày 28/04/2023 Tập đoàn đã khởi công dự án và bàn giao mặt bằng cho Công ty CP Thương Mại xuất nhập khẩu Minh Ngọc để thực hiện thi công hạ tầng ( xem thuyết minh V.12)

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>121.819.554</b>	<b>-</b>	<b>74.715.128</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	50.459.000	-	50.459.000	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Commodity Exchange	68.665.804	-	21.431.378	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	2.694.750	-	2.694.750	-
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Dịch vụ SAKURA	-	-	130.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>303.960.509.164 (2.886.390.855)</b>	<b>268.177.724.705 (2.206.324.408)</b>		
Phạm Xuân Vinh – Trợ Lý Phó Chủ tịch tạm ứng dự án	34.175.000.000	-	36.000.000.000	-
Hồ Văn Việt – Giám đốc Ban QLDA tạm ứng dự án Tam Dương	24.880.112.724	-	25.320.000.000	-
Lê Văn Tấn – KSNB tạm ứng dự án Tam Dương	26.400.000.000	-	22.700.000.000	-
Trần Cửu Quốc – Giám đốc TTMH tạm ứng mua vật tư	14.200.000.000	-	20.000.000.000	-
Tạm ứng của cá nhân khác	76.165.953.064	-	40.757.901.111	-
Ký cược, ký quỹ	10.476.897.871	-	14.247.847.200	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	117.662.545.505 (2.886.390.855)		109.151.976.394 (2.206.324.408)	
<b>Cộng</b>	<b>304.082.328.718 (2.886.390.855)</b>	<b>268.252.439.833 (2.206.324.408)</b>		

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	3.205.070.795	-	5.373.973.060	-
Ông Lê Trần Trọng Thái	795.402.233 (795.402.233)		795.402.233 (795.402.233)	
<b>Cộng</b>	<b>4.000.473.028 (795.402.233)</b>	<b>6.169.375.293 (795.402.233)</b>		

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	3.540.903.520	(3.540.903.520)	3.540.903.520	(3.540.903.520)
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	1.891.351.348	(1.891.351.348)	1.891.351.348	(1.891.351.348)
Các đối tượng khác	7.184.678.024	(6.872.235.183)	7.096.796.605	(6.819.940.997)
<b>Cộng</b>	<b>12.529.051.473</b>	<b>(12.304.490.051)</b>	<b>12.529.051.473</b>	<b>(12.252.195.865)</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng	
Số đầu năm	11.456.793.632	795.402.233	12.252.195.865	
Trích lập dự phòng bổ sung	52.294.186	-	52.294.186	
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.509.087.818</b>	<b>795.402.233</b>	<b>12.304.490.051</b>	

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	18.828.911.595	-	253.179.692.676	-
Nguyên liệu, vật liệu	656.853.018.651	-	805.056.446.997	-
Công cụ, dụng cụ	8.588.557.040	-	19.436.170.826	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.288.412.410	-	22.580.435.797	-
Thành phẩm	199.616.973.322	-	268.070.789.539	-
Hàng hóa	327.556.769.310	(62.088.267)	366.489.535.145	(62.088.267)
Hàng gửi bán	66.223.858	-	59.443.826	-
<b>Cộng</b>	<b>1.218.798.866.186</b>	<b>(62.088.267)</b>	<b>1.734.872.514.806</b>	<b>(62.088.267)</b>

Một số hàng tồn kho giá trị tại 31/12/2023 là 640.149.097.547 VND đã được dùng thế chấp để bảo đảm các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại.

### 8. Chi phí trả trước

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.056.975.243	2.271.067.700
Chi phí quảng cáo	759.542.213	1.654.872.668
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	14.614.793.334	13.200.262.183
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.517.259.346	6.159.216.113
<b>Cộng</b>	<b>23.948.570.136</b>	<b>23.285.418.664</b>

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	9.751.976.561	10.152.404.130
Chi phí thuê đất	45.663.537.688	47.245.444.204
Chi phí giải phóng, san lấp mặt bằng	3.493.797.326	3.702.382.250
Sửa chữa, cải tạo thiết bị, văn phòng	6.788.521.087	6.737.538.109
Chi phí quảng cáo	3.127.972.455	1.383.705.262
Showroom	8.150.091.475	27.684.077.827
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.992.085.993	9.086.532.451
<b>Cộng</b>	<b>83.967.982.585</b>	<b>105.992.084.233</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 1. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	439.128.426.377	675.881.126.677	163.010.336.969	20.106.326.917	1.298.126.216.940
Mua trong kỳ	52.136.000	8.263.988.079	35.356.667	824.111.818	9.175.592.564
Đầu tư XDCB hoàn thành	49.934.291	8.018.584.464	-	-	8.068.518.755
Phân loại lại	-	8.448.646.857	2.504.989.636	-	10.953.636.493
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	(7.015.939.392)	(1.554.843.559)	-	(8.570.782.951)
Thanh lý, nhượng bán	215.926.602	202.447.997	16.536.274	18.538.555	453.449.428
Giảm khác	(25.489.415)	25.489.415	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>439.420.933.855</b>	<b>693.824.344.097</b>	<b>164.012.375.987</b>	<b>20.948.977.290</b>	<b>1.318.206.631.229</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng</i>	14.964.072.616	136.561.883.419	19.306.273.225	11.985.388.146	182.817.617.406
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	126.092.909.781	383.762.896.769	98.610.578.457	14.371.033.715	622.837.418.722
Khấu hao trong năm	19.088.623.197	38.386.069.030	14.302.753.527	1.840.647.864	73.618.093.618
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	4.669.401.671	1.000.795.870	-	5.670.197.541
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.155.720.861)	(1.348.984.744)	-	(7.504.705.605)
Phân loại lại	3.900.000	(3.900.000)	-	-	-
Giảm khác	133.020.838	92.114.336	12.536.738	12.191.382	249.863.294
<b>Số cuối năm</b>	<b>145.318.453.816</b>	<b>420.750.860.945</b>	<b>112.577.679.848</b>	<b>16.223.872.961</b>	<b>694.870.867.570</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	313.035.516.596	292.118.229.908	64.399.758.512	5.735.293.202	675.288.798.218
<b>Số cuối năm</b>	<b>294.102.480.039</b>	<b>273.073.483.152</b>	<b>51.434.696.139</b>	<b>4.725.104.329</b>	<b>623.335.763.659</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 348.024.222.930 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.19).

### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	112.528.896.496	49.105.662.003	161.634.558.499
Mua lại tài sản thuê tài chính	(8.430.115.571)	(2.501.989.636)	(10.932.105.207)
<b>Số cuối năm</b>	<b>104.098.780.925</b>	<b>46.603.672.367</b>	<b>150.702.453.292</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	18.974.961.942	13.463.470.727	32.438.432.669
Khấu hao trong năm	11.744.054.432	5.768.367.267	17.512.421.699
Mua lại tài sản thuê tài chính	(4.669.401.671)	(1.000.795.870)	(5.670.197.541)
<b>Số cuối năm</b>	<b>26.049.614.703</b>	<b>18.231.042.124</b>	<b>44.280.656.827</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	93.553.934.554	35.642.191.276	129.196.125.830
<b>Số cuối năm</b>	<b>78.049.166.222</b>	<b>28.372.630.243</b>	<b>106.421.796.465</b>

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Tập đoàn được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

### 11. Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	19.094.043.597	8.948.449.039	28.042.492.636
Mua trong năm	-	599.500.000	599.500.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	404.484.367.275	32.946.175.244	437.430.542.519
Giảm khác	-	4.451.838	4.451.838
<b>Số cuối năm</b>	<b>423.578.410.872</b>	<b>42.498.576.121</b>	<b>466.076.986.993</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	231.401.690	4.959.102.889	5.190.504.579
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	6.400.709.902	6.204.019.640	12.604.729.542
Khấu hao trong năm	539.242.944	821.448.400	1.360.691.344
Giảm khác	-	2.257.186	2.257.186
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.939.952.846</b>	<b>7.027.725.226</b>	<b>13.967.678.072</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	12.693.333.695	2.744.429.399	15.437.763.094
<b>Số cuối năm</b>	<b>416.638.458.026</b>	<b>35.470.850.895</b>	<b>452.109.308.921</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển sang TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	7.488.673.420	529.911.044	(8.018.584.464)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	607.201.508.167	359.086.766.248	(437.480.476.810)	(14.158.681.847)	514.649.115.758
Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm (i)	4.750.000.000	-	-	-	4.750.000.000
Dự án nước Hà Đông (ii)	5.956.350.953	1.544.808.986	-	-	7.501.159.939
Dự án 3 xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai (iii)	11.796.990.153	1.184.105.534	-	-	12.981.095.687
Dự án KCN Tam Dương (iv)	186.335.511.236	219.009.679.792	-	-	405.345.191.028
Dự án Nhà máy Bàu Bàng (v) (3.934.847.894)	43.934.847.894	107.435.570.953	(404.484.367.275)	-	46.886.051.572
Dự án làm sạch nước khu thiết úng Đông Anh)	14.362.352.806	60.940.905	-	-	14.423.293.711
Dự án Phần mềm ASAP	8.659.825.545	23.960.075.699	(32.619.901.244)	-	-
Dự án khác	31.405.629.580	5.891.584.379	(376.208.291)	(14.158.681.847)	22.762.323.821
<b>Cộng</b>	<b>614.690.181.587</b>	<b>359.616.677.292</b>	<b>(445.499.061.274)</b>	<b>(14.158.681.847)</b>	<b>514.649.115.758</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(i) Dự án tại lô đất D2 - CT1, Khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm đã quá hạn để làm các thủ tục đầu tư và được UBND Thành phố Hà Nội chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội làm thủ tục hủy bỏ kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Cho đến thời điểm hiện tại chưa có văn bản chính thức của các Sở ban ngành về việc xử lý số tiền Công ty đã nộp vào Ngân sách nhà nước.

(ii) Dự án đầu tư và xây dựng lắp đặt trạm xử lý nước sạch Hà Đông được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 5760/QĐ - UBND ngày 17/10/2016 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3757/QĐ - UBND ngày 25/07/2018 với liên doanh hai nhà thầu là Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) số 91/2017/HĐHTKD-NHĐ-SONHA ngày 30/5/2017. Giai đoạn 1 đã được kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2020, giai đoạn 2 đã được kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2021, giai đoạn 3 đang thực hiện thủ tục kiểm toán xây dựng cơ bản.

(iii) Dự án Xây dựng mạng lưới cấp nước sạch liên xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 709/QĐ - UBND ngày 11/02/2019 với liên doanh 2 nhà thầu Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. GĐ 1 đã được kiểm toán quyết toán hoàn thành trong Quý 1/2022, GĐ 2 dự án đang tiếp tục hoàn tất công tác đấu nối đường ống dẫn nước đến từng hộ dân.

(iv) Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I - khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 336/QĐ-TTg ngày 10/3/2021. Dự án được Ban Quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3163852766 ngày 01/6/2021, thay đổi lần thứ 2 ngày 21/4/2023. Ngày 27/4/2023, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 906/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty với diện tích 81,24 ha. Cùng ngày 27/4/2023, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép Xây dựng số 16/GPXD cho Công ty để thực hiện xây dựng các hạng mục của Dự án.

(v) Dự án Nhà máy Bàu Bàng tại Ấp Suối Tre, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương để đầu tư mở rộng thêm nhà máy mới để sản xuất các sản phẩm thương hiệu Toàn Mỹ và một phần diện tích Nhà máy sẽ cho Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (SSP) thuê để sản xuất ống inox bán cho thị trường Miền Nam và xuất khẩu.

### 13. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại khi ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ. Chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.273.802.523	3.986.918.763
Số phân bổ trong năm	(713.116.240)	(713.116.240)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.560.686.283</b>	<b>3.273.802.523</b>

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2.314.249.336</b>	<b>68.322.488.180</b>
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	2.283.675.897	2.283.675.897
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	30.573.439	30.573.439
Công ty Cổ Phần Thương mại Đầu tư Phương Nam	-	66.008.238.844
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>427.325.489.658</b>	<b>457.019.368.078</b>
Công ty TNHH POSCO VST	55.923.097.828	82.781.861.222
Công ty Cổ Phần Thương mại Đầu tư Phương Nam	14.793.729.678	66.008.238.844
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Inox TSINGSHAN Việt Nam	-	16.704.348.590
Kaung Myathtay Company Limited	43.023.532.208	-
Eternal Tsingshan Group Limited	-	56.828.328.498
Các nhà cung cấp khác	313.585.129.944	234.696.590.924
<b>Cộng</b>	<b>429.639.738.994</b>	<b>525.341.856.258</b>

### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà phân phối, đại lý (*)	115.972.601.392	280.270.532.132
Các khách hàng khác	34.839.565.367	59.205.684.370
<b>Cộng</b>	<b>150.812.166.759</b>	<b>339.476.216.502</b>

(\*) Là các khoản nhà phân phối, đại lý đặt cọc giữ giá nhập hàng năm 2024.

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17.558.183.107	28.513.331	72.312.565.591	(57.161.990.443)	32.712.036.135	31.791.211
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	202.526.614.189	(202.526.614.189)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	42.032.392	3.416.948.663	(3.453.876.233)	6.944.237	85.904.199
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.485.128	-	164.033.847	(164.033.847)	6.485.128	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.666.165.360	1.393.638.515	44.884.928.605	(18.184.192.707)	41.917.875.125	944.612.382
Thuế thu nhập cá nhân	1.363.504.891	97.348.258	4.758.106.926	(5.220.759.643)	845.551.362	42.047.446
Thuế tài nguyên	15.000	79.749.566	2.919.853.643	(2.577.690.677)	262.428.400	-
Tiền thuê đất	-	-	1.540.694.184	(1.575.782.333)	-	35.088.149
Các loại thuế khác	4.314.176	-	537.913.964	(537.797.072)	4.431.068	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	132.367.796	-	906.311.847	(1.019.503.931)	19.175.712	-
<b>Cộng</b>	<b>34.731.035.458</b>	<b>1.641.282.062</b>	<b>333.967.971.459</b>	<b>(292.422.241.075)</b>	<b>75.774.927.167</b>	<b>1.139.443.387</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 8% - 10%.

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3770038731 ngày 14 tháng 10 năm 2016 do Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cấp, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm (đến hết năm 2019) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo (đến hết năm 2028) do thực hiện Dự án Đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội như sau:

Diện tích đất thuê là 8.792,7 m<sup>2</sup> tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội với đơn giá 13.302 VND/m<sup>2</sup>.

Diện tích đất thuê là 44.800 m<sup>2</sup> tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với đơn giá 45.020 VND/m<sup>2</sup>. Theo thông báo số 4529-43/TB-CCT-TTTBTK, Công ty được chuyển tiền thuê đất nộp thừa năm 2022 là 605.068.800 VND vào tiền thuê đất phải nộp năm 2023.

### Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	5.329.004.542	17.877.255.215
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.237.714.176	6.588.213.085
<b>Cộng</b>	<b>10.566.718.718</b>	<b>24.465.468.300</b>

### 18. Phải trả khác

#### 18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.259.881.393	1.746.300.952
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	335.013.067	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (x)	42.692.977.601	23.883.501.934
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.007.335.671	1.786.703.396
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	126.557.572.807	156.504.868.109
- Chi nhánh Tây Hà Nội <sup>(*)</sup>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(*)</sup>	438.307.510.759	141.837.798.224
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức <sup>(*)</sup>	-	90.186.438.057
Ngân Hàng TMCP Phát Triển Nhà TPHCM <sup>(*)</sup>	101.839.140.492	49.505.772.390
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(*)</sup>	32.966.120.908	40.678.045.668
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An <sup>(*)</sup>	7.594.446.888	28.480.076.814
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô <sup>(*)</sup>	62.247.614.924	12.380.887.832
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	36.461.842.378	178.077.476.675
<b>Cộng</b>	<b>853.269.456.888</b>	<b>725.067.870.051</b>

<sup>(\*)</sup> Là khoản ngân hàng ứng trước tiền thanh toán cho nhà cung cấp theo các Hợp đồng phát hành thư tín dụng L/C Upas.

### 18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	5.000.000	5.000.000
Nhận đặt cọc đất Dự án Tam Dương	241.583.000.000	-
Công ty TNHH Thương Mại và Đầu Tư Phát Triển Thiên Phú	52.970.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	51.350.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	48.395.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	47.160.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	41.708.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>241.588.000.000</b>	<b>5.000.000</b>

### 19. Vay và nợ thuê tài chính

#### 19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>3.247.842.829.222</b>	<b>3.014.876.474.425</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.587.031.836.055	1.628.656.165.699
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	90.127.064.709	130.212.495.912
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	472.888.717.068	580.522.490.420
Ngân hàng TMCP Quân Đội	466.042.623.886	165.601.365.111
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	6.737.800.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	204.819.792.325	65.079.334.488
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun	-	47.626.956.374
Ngân hàng First Commercial Bank	114.779.034.673	132.610.242.791
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	9.660.570.968	55.166.728.726
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	9.516.169.684	23.185.910.919
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	94.294.331.291	142.945.807.952
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	198.682.688.563	36.531.176.033
<b>Vay ngắn hạn các cá nhân, tổ chức khác</b>	<b>11.505.000.000</b>	<b>2.505.000.000</b>
<b>Vay dài hạn Ngân hàng đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</b>	<b>19.690.872.551</b>	<b>12.997.883.852</b>
<b>Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Nội đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</b>	<b>780.000.000</b>	<b>680.000.000</b>
<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</b>	<b>27.356.623.159</b>	<b>28.420.460.085</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.307.175.324.932</b>	<b>3.059.479.818.362</b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các khoản vay ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Tổng Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.105 tỷ VND	Không quá 12 tháng	3,3%/năm đến 9,8%/năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	174 tỷ VND	Không quá 12 tháng	6%/năm đến 7,7%/năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	639 tỷ VND	Không quá 12 tháng	3,5%/năm đến 9%/năm
Ngân hàng TMCP Quân Đội	340 tỷ VND	Không quá 6 tháng	4,85%/năm đến 8%/năm
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	50 tỷ VND	Không quá 6 tháng	9,3%/năm đến 15,48%/năm
Ngân hàng First Commercial Bank	80 tỷ VND và 3 triệu USD	Không quá 12 tháng	5,5%/năm đến 6,8%/năm
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	200 tỷ VND	Không quá 6 tháng	3,9%/năm đến 6,8%/năm
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	150 tỷ VND	Không quá 12 tháng	3%/năm đến 7,3%/năm
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	145 tỷ VND	Không quá 12 tháng	3,23%/năm đến 3,35%/năm
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	200 tỷ VND	Không quá 12 tháng	8,5%/năm đến 11,5%/năm

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	CLTG đánh giá lại cuối năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.014.876.474.425	8.266.027.884.897	-	(8.031.941.368.087)	(1.120.162.013)	3.247.842.829.222
Vay ngắn hạn các cá nhân, tổ chức	2.505.000.000	10.200.000.000	-	(1.200.000.000)	-	11.505.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	12.997.883.852	-	19.690.872.551	(12.997.883.852)	-	19.690.872.551
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Nội đến hạn trả	680.000.000	-	780.000.000	(680.000.000)	-	780.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	28.420.460.085	-	27.356.623.159	(28.420.460.085)	-	27.356.623.159
<b>Cộng</b>	<b>3.059.479.818.362</b>	<b>8.276.227.884.897</b>	<b>47.827.495.710</b>	<b>(8.075.239.712.024)</b>	<b>(1.120.162.013)</b>	<b>3.307.175.324.932</b>

### 19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>368.266.577.987</b>	<b>213.618.958.452</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	31.220.953.879	36.920.953.879
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	4.425.000.000	6.029.750.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	15.843.839.778	18.910.367.778
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	207.939.187.148	146.040.376.212
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	102.571.650.038	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	4.387.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Lê Thái Tổ	236.049.176	402.672.128
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	6.029.897.968	927.838.455
<b>Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Nội</b>	<b>58.467.497.062</b>	<b>59.247.497.062</b>
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>41.367.242.565</b>	<b>50.393.834.555</b>
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội	10.630.153.868	19.531.251.800
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	29.408.914.157	30.204.477.016
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	1.328.174.540	658.105.739
<b>Trái phiếu thường dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>279.086.500.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>468.101.317.614</b>	<b>602.346.790.069</b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Các Khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Tập đoàn hình thành từ vốn vay, chi tiết như sau:

#### Tại Công ty mẹ:

Đối tượng	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	100.000.000.000 VND	180 tháng	10,4%/năm	Thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, Hà Đông
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Quang Trung	57.513.000.000 VND không vượt quá 62,5% tổng mức đầu tư dự án (bao gồm VAT)	144 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên.	10,5%/năm	Thanh toán các khoản chi phí để thực hiện hợp tác kinh doanh dự án "Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Văn Cồn - An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội"
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	1.073.000.000.000 VND không vượt quá 68% tổng chi phí đầu tư thực tế của dự án	Không quá 72 tháng, ân hạn 24 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên	7,2%/năm - 11,5%/năm	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Tam dương I - khu vực 2, huyện Tam Dương, Vĩnh Phúc
Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội	61.311.000.000 VND	11 năm 6 tháng, ân hạn 09 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 05/7/2021)	6,95%/năm	Thanh toán chi phí thực hiện các gói thầu số 01,02,03,11 của dự án "Lắp đặt tuyến ống truyền dẫn, trạm tăng áp và tuyến ống phân phối, dịch vụ xã Bình Minh, Thanh Mai, Thanh Cao".

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Trái phiếu thường	280.000.000.000 VND	3 năm kể từ ngày 28/7/2021	11,9%/năm	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền. Phát hành cho Quỹ Đầu Tư Hạ Tầng PVI để tăng quy mô vốn hoạt động và đầu tư dự án trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính và kinh doanh BĐS khu công nghiệp.
-------------------	---------------------	----------------------------	-----------	---

- Tại Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (Công ty con):

Đối tượng	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Nghệ An	9.975.000.000 VND	84 tháng	Thả nổi và điều chỉnh 01 tháng/lần	Xây dựng hệ thống Pin năng lượng mặt trời áp mái 998 kWp

- Tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP (Công ty con):

Đối tượng	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	1.237.117.935.000 VND	48 tháng từ 04/10/2022	13,2%/năm	Đầu tư phần mềm SAP S/4 HANA

- Tại Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar (Công ty con):

Đối tượng	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Lê Thái Tổ	847.000.000 VND	60 tháng từ 12/05/2021	7,5%/năm	Thanh toán chi phí mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
<b>Số cuối năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	387.957.450.538	19.690.872.551	299.709.696.776	68.556.881.211
Vay dài hạn các tổ chức khác	59.247.497.062	780.000.000	26.950.000.000	31.517.497.062
Nợ thuê tài chính	68.723.865.724	27.356.623.159	41.367.242.565	-
Trái phiếu thường	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>515.928.813.324</b>	<b>47.827.495.710</b>	<b>368.026.939.341</b>	<b>100.074.378.273</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	226.616.842.304	12.997.883.852	191.567.748.795	22.051.209.657
Vay dài hạn các tổ chức khác	59.927.497.062	680.000.000	20.130.000.000	39.117.497.062
Nợ thuê tài chính	78.814.294.640	28.420.460.085	50.393.834.555	-
Trái phiếu thường	279.086.500.000	-	279.086.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>644.445.134.006</b>	<b>42.098.343.937</b>	<b>541.178.083.350</b>	<b>61.168.706.719</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức khác	Nợ thuê tài chính	Trái phiếu thường	Cộng
Số đầu năm	213.618.958.452	59.247.497.062	50.393.834.555	279.086.500.000	602.346.790.069
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	179.840.581.381	-	18.473.692.633	-	198.314.274.014
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	-	-	304.500.000	304.500.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(5.502.089.295)	-	(143.661.464)	(279.391.000.000)	(285.036.750.759)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(19.690.872.551)	(780.000.000)	(27.356.623.159)	-	(47.827.495.710)
<b>Số cuối năm</b>	<b>368.266.577.987</b>	<b>58.467.497.062</b>	<b>41.367.242.565</b>	<b>-</b>	<b>468.101.317.614</b>

### 20. Dự phòng phải trả

Là các khoản dự phòng chi phí bảo hành cho các sản phẩm đã bán còn trong thời hạn bảo hành.

### 21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.139.432.711	12.355.709.799
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	196.106.376	308.123.560
Chi quỹ	(2.658.019.500)	(4.524.400.648)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.677.519.587</b>	<b>8.139.432.711</b>



## 22. Vốn chủ sở hữu

## 22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.005.357.070.000	(47.906.902.648)	49.604.200.000	(4.186.322.972)	(3.572.338.932)	38.396.303.797	209.828.408	127.242.259.717	200.490.316.927	1.365.634.414.297
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	496.522.060.000	-	-	-	-	-	-	-	34.057.853.270	530.579.913.270
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	67.752.134.520	29.137.635.206	96.889.769.726
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	271.736.136	58.604.548	(524.810.685)	(113.653.559)	(308.123.560)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-	(548.613.539)	(86.582.202)	(635.195.741)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	(2.328.190.408)	-	-	-	-	(2.328.190.408)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	(20.287.730.993)	(20.287.730.993)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	119.885.360.000	-	8.047.866.000	-	-	-	-	(127.933.226.000)	-	-
Chi thưởng nhân viên	-	-	-	-	-	-	-	(3.200.700.000)	-	(3.200.700.000)
Giải thể Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	553.497.781	4.413.320.328	4.966.818.109
Số dư cuối năm trước	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	57.652.066.000	(4.186.322.972)	(5.900.529.340)	38.668.039.933	268.432.956	63.340.541.794	247.611.158.977	1.971.310.974.700
Số dư đầu năm nay	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	57.652.066.000	(4.186.322.972)	(5.900.529.340)	38.668.039.933	268.432.956	63.340.541.794	247.611.158.977	1.971.310.974.700
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	16.488.912.250	42.600.656.114	59.089.568.364
Trích lập các quỹ ở công ty con	-	-	-	-	-	197.583.842	-	(296.375.763)	(97.314.455)	(196.106.376)
Thù lao HĐQT, BKS Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(329.676.563)	-	(329.676.563)
Thù lao HĐQT, BKS Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(78.587.652)	(77.412.348)	(156.000.000)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	783.693.049	-	-	-	-	783.693.049
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	9.657.814.000	-	-	-	-	(9.657.814.000)	-	-
Chia cổ tức năm trước bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	(306.953.284)	(306.953.284)
Tạm ứng cổ tức năm nay bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	(22.777.733.470)	(22.777.733.470)
Số dư cuối năm nay	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	67.309.880.000	(4.186.322.972)	(5.116.836.291)	38.865.623.775	268.432.956	69.467.000.066	266.952.401.534	2.007.417.766.420

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 22b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	162.176.449	162.176.449
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	162.176.449	162.176.449
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	161.857.589	161.857.589

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 22c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-DHĐCD/SH ngày 30 tháng 5 năm 2023 như sau:

	VND
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 329.676.563

### 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	830.053,44	635.907,76
Euro (EUR)	89,34	126,91
LAK (Kip lao)	293.436.000,00	-

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	6.776.355.590.395	4.200.583.128.185
Doanh thu bán thành phẩm	2.927.050.159.590	3.907.277.695.662
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.758.646.347	48.401.044.850
Doanh thu cung cấp nước sạch	48.405.758.560	50.029.480.953
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	11.084.450.127	7.957.145.654
Cộng	<u>9.780.654.605.019</u>	<u>8.214.248.495.304</u>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu		
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	1.069.872.544	940.843.204
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	152.370.115.023	176.166.283.357
Giảm trừ doanh thu		
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	4.662.210.727	2.795.536.483

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	163.037.036.314	216.999.442.493
Hàng bán bị trả lại	12.240.757.580	19.653.806.617
Cộng	<u>175.309.325.964</u>	<u>236.769.609.461</u>

### 3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.157.062.000.777	3.568.912.134.352
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.539.487.111.558	3.412.361.482.228
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.264.026.593	12.497.727.643
Giá vốn nước thành phẩm	52.789.921.198	74.716.657.157
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	62.088.267
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	4.907.195.411	7.142.914.846
Cộng	<u>8.768.510.255.537</u>	<u>7.075.693.004.493</u>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	55.955.364.714	40.907.638.742
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	24.597.209.522	49.985.071.520
Cổ tức được chia	3.316.313.939	9.399.378.401
Doanh thu tài chính khác	755.176.500	755.176.500
Cộng	<u>84.624.064.675</u>	<u>101.047.265.163</u>

### 5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	318.142.487.613	251.806.134.120
Chiết khấu thanh toán	15.230.075.574	30.801.365.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	30.185.966.463	63.611.062.855
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	665.162.567
Chi phí tài chính khác	2.332.827.439	5.110.186.557
Cộng	<u>365.891.357.089</u>	<u>351.993.911.363</u>

### 6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	98.457.329.293	108.055.211.182
Chi phí vật liệu, bao bì	5.090.525.691	7.654.292.154
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	6.034.715.483	6.147.474.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.824.538.810	5.473.975.690
Chi phí bảo hành	10.475.880.112	10.641.461.247
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	5.811.064.520	2.771.971.447
Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu	55.582.752.999	79.996.140.250
Chi phí showroom	18.200.220.410	19.589.510.724
Chi phí thuê kho	18.041.060.736	18.983.562.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.968.330.820	47.039.238.648
Các chi phí khác	21.689.552.543	45.316.985.831
Cộng	<u>287.175.971.417</u>	<u>351.669.824.574</u>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	69.706.180.502	84.313.937.265
Chi phí vật liệu quản lý	175.775.778	662.016.847
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.324.228.879	4.518.909.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.581.552.190	11.671.549.218
Thuế, phí và lệ phí	1.026.173.461	357.963.321
Dự phòng phải thu khó đòi	52.294.186	439.879.225
Lợi thế thương mại	713.116.240	713.116.240
Chi phí thanh toán, mở LC	36.410.694.716	22.972.407.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.573.150.124	40.042.950.296
Các chi phí khác	15.454.464.590	11.259.744.631
<b>Cộng</b>	<b>162.017.630.666</b>	<b>176.952.473.742</b>

### 8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	301.529.569	390.584.283
Thanh lý tài sản	494.733.847	3.433.921.423
Phạt vi phạm hợp đồng	1.289.015.391	
Thu nhập khác	1.783.208.597	1.703.302.682
<b>Cộng</b>	<b>3.868.487.404</b>	<b>5.527.808.388</b>

### 9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản	832.249.154	1.230.344.741
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	2.524.044.554	346.416.128
Phạt do vi phạm hợp đồng	104.737.346	2.382.275.839
Chi phí khác	3.092.600.307	1.487.152.431
<b>Cộng</b>	<b>6.553.631.361</b>	<b>5.446.189.139</b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

#### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.488.912.250	67.752.134.520
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.488.912.250	67.752.134.520
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	162.176.449	146.302.872
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>102</b>	<b>463</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	162.176.449	100.535.707
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông do phát hành cổ phiếu	-	45.767.165
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>162.176.449</b>	<b>146.302.872</b>

#### 10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.555.396.761.526	1.462.894.386.711
Chi phí nhân công	251.690.174.499	158.878.738.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	92.018.290.105	44.388.001.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	297.374.498.914	256.266.355.928
Chi phí khác	108.208.747.655	56.401.540.769
<b>Cộng</b>	<b>5.304.688.472.699</b>	<b>1.978.829.023.366</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao Tài sản cố định không sử dụng	663.304.122	1.435.151.105

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Cam kết bảo lãnh*

Ông Lê Vĩnh Sơn – Chủ tịch Công ty dùng 1.120.000 cổ phiếu SHI thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng cấp tín dụng số 50678.20.058.2475643.TD ngày 06/10/2020 và quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán căn nhà tại địa chỉ số 56, lô đất số Q-M5 tại KĐT Nam Thăng Long thuộc quyền sở hữu của Ông Lê Vĩnh Sơn và Bà Trần Kim Dung.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không có Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (DVT: 1.000.000 VND)*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm nay					
<b>Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý</b>					
Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	-	-	156,8	156,8
Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	-	-	58,8	58,8
Đào Nam Phong	Thành viên đến 30/5/2023	-	-	29,4	29,4
Nguyễn Phương Nam	Thành viên	-	-	58,8	58,8
Kiểu Đức Lâm	Thành viên đến 30/5/2023	-	-	58,8	58,8
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	-	-	58,8	58,8
Phạm Thế Hùng	Thành viên từ 30/5/2023/ Phó TGD thường trực	991,7	28,4	-	1.020,1
Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên từ 30/5/2023	414,2	-	48,0	462,2
<b>Ban Điều hành, quản lý</b>					
Đỗ Thành Tâm	Tổng Giám đốc	339,6	-	-	339,6
Nguyễn Đình Quý	Phó TGD từ 25/4/2023	1.566,6	3,8	-	1.570,4
Nguyễn Văn Lương	Phó TGD đến 20/02/3023	220,8	-	-	220,8
Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	867,0	24,1	-	891,1
<b>Ban Kiểm soát</b>					
Nguyễn Thị Thanh Thúy	Trưởng ban đến 30/5/2023	424,0	24,4	48,0	496,4
Nguyễn Thị Gấm	Trưởng ban từ 05/06/2023 (trước đó là thành viên BKS)	605,7	13,7	48,0	667,4
Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS từ 30/5/2023	359,0	15,9	-	374,9
Trần Thị Thảo	Thành viên BKS từ 30/5/2023	233,2	9,2	-	242,4
<b>Cộng</b>		<b>6.021,7</b>	<b>119,5</b>	<b>565,3</b>	<b>6.706,5</b>

Năm trước					
<b>Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý</b>					
Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	-	-	109,4	109,4
Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	-	-	41,0	41,0
Đào Nam Phong	Thành viên	-	-	23,5	23,5
Nguyễn Phương Nam	Thành viên	-	-	23,5	23,5
Kiểu Đức Lâm	Thành viên	-	-	41,0	41,0
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	-	-	41,0	41,0
Nhữ Văn Hoan	Thành viên	-	-	26,3	26,3
<b>Ban Điều hành, quản lý</b>					
Đỗ Thành Tâm	Tổng Giám đốc	3.337,4	70,0	-	3.407,4
Phạm Thế Hùng	Phó TGD thường trực	1.180,2	217,7	-	1.397,8
Đào Nam Phong	Phó Tổng Giám đốc	1.070,6	-	-	1.070,6
Nguyễn Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc	1.207,4	-	-	1.207,4
Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc	2.436,6	448,8	-	2.885,4
Nguyễn Đăng Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	1.239,9	-	-	1.239,9
Dương Tấn Hải	Phó Tổng Giám đốc	599,7	-	-	599,7
Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	982,8	-	-	982,8
<b>Ban Kiểm soát</b>					
Nguyễn Thị Thanh Thúy	Trưởng ban	916,8	68,8	48,0	1.033,7
Trần Thị Thủy	Thành viên BKS	-	-	24,0	24,0
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên BKS	498,3	42,4	24,0	564,7
<b>Cộng</b>		<b>13.469,70</b>	<b>847,70</b>	<b>401,70</b>	<b>14.719,10</b>

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sơn Hà Sài Gòn)	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lệ Gia	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

#### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng gia dụng.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng công nghiệp.
- Lĩnh vực kinh doanh khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.476.498.391.120	6.982.923.645.685	145.923.242.250	9.605.345.279.055
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.476.498.391.120</b>	<b>6.982.923.645.685</b>	<b>145.923.242.250</b>	<b>9.605.345.279.055</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(987.667.364.385)	1.820.259.835.712	4.242.552.191	836.835.023.518
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(449.193.602.083)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				387.641.421.435

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu hoạt động tài chính				84.624.064.675
Chi phí tài chính				(365.891.357.089)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				285.511.905
Thu nhập khác				3.868.487.404
Chi phí khác				(6.553.631.361)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(44.884.928.605)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				59.089.568.364
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.441.668.738	380.357.843.473	-	389.799.512.211
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.106.404.075	83.683.731.600	1.414.187.226	93.204.322.901
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.480.564.983.651	4.337.308.225.302	159.605.676.890	7.977.478.885.843
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.480.564.983.651	4.337.308.225.302	159.605.676.890	7.977.478.885.843
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	62.689.388.455	819.675.129.703	19.421.363.192	901.785.881.350
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(528.622.298.316)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	373.163.583.034
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	101.047.265.163
Chi phí tài chính	-	-	-	(351.993.911.363)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	91.142.445
Thu nhập khác	-	-	-	5.527.808.388
Chi phí khác	-	-	-	(5.446.189.139)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(35.133.205.176)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	87.256.493.352
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	845.877.120	1.100.656.821.616	8.795.876.459	1.110.298.575.195
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.819.105.696	83.058.781.455	944.247.896	89.822.135.047

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.767.857.111.338	5.571.166.384.744	66.772.707.121	7.405.796.203.203
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				175.989.059.652
Tổng tài sản				7.581.785.262.855
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.307.412.827.680	4.221.556.415.340	45.398.253.415	5.574.367.496.435

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				5.574.367.496.435
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.766.202.922.724	5.297.005.117.681	87.300.286.934	7.150.508.327.339
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				180.932.958.173
Tổng tài sản				7.331.441.285.512
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.322.097.371.521	3.990.261.795.883	47.771.143.408	5.360.130.310.812
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				5.360.130.310.812

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Tập đoàn không lập báo cáo bộ theo khu vực địa lý.

### 3. Số liệu so sánh: Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất do phân loại lại một số chỉ tiêu như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
		chính	Các điều chỉnh		
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	996.428.826	644.853.236	1.641.282.062	(i)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	44.955.815.619	(10.224.780.161)	34.731.035.458	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	52.788.120.942	10.552.420.852	63.340.541.794	(i)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	247.293.946.432	317.212.545	247.611.158.977	(i)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35.133.205.176	(9.633.276.374)	25.499.928.802	(i)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(68.341.043.330)	(644.853.236)	(68.985.896.566)	(i)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(126.752.781.899)	644.853.236	(126.107.928.663)	(i)

(i) Do trong năm công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo các Biên bản thanh tra thuế, dẫn đến các chỉ tiêu ảnh hưởng tăng, giảm tương ứng.

### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu



Vũ Thanh Nam

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch HĐQT



Lê Vinh Sơn  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ



## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Thuỷ lệ % so sánh giữa thực hiện năm 2023 và năm 2022 năm 2023	Tỷ lệ % so sánh giữa thực hiện và kế hoạch năm 2023
1	Doanh thu (tỷ đồng)	8,214	8,000	9,781	119%	122%
2	Lợi nhuận sau thuế (tỷ)	97	80	59	61%	74%
3	Cổ tức	-	8%	0	0	0

Chỉ tiêu Doanh thu tăng 119% so với cùng kỳ năm trước và 122% so với kế hoạch là do Doanh thu từ các sản phẩm chủ lực ở thị trường trong nước và xuất khẩu, các ngành hàng mới đã có triển vọng Doanh thu tích cực. Tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất giảm chủ yếu do giá vật tư chính tăng bắt nguồn từ những khó khăn của chuỗi cung ứng trên toàn cầu, dẫn đến giá vốn tăng và giảm lợi nhuận gộp.

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Ban lãnh đạo cũng được tái cấu trúc gọn và phù hợp hơn;
- Hệ thống quản trị chuyên nghiệp hơn, khả năng thích ứng hoàn cảnh cao hơn;
- Tiếp tục Kaizen tăng công suất và giảm giá thành đạt thành tựu đáng ghi nhận;
- Thị phần ở các ngành chủ đạo: Ống thép, Bồn lắp ghép; Bồn Inox/Nhựa, Thái dương năng, Bình nước nóng vẫn tăng.
- Đã triển khai thành công Dự án chuyển đổi số SAP ERP trong Tập đoàn.

#### 2. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng giảm
❖ Tổng giá trị tài sản	7.331.441.285.512	7.581.785.262.691	3,41%
❖ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho:			
• Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,10	2,97	
- Vòng quay tổng tài sản:			
• Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,60	0,66	

- Tổng tài sản tăng tăng so với năm trước tỉ lệ tương ứng là 3,41%; Hệ số nợ/Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu tăng so với năm trước lần lượt là 0,74% và 2,78%.
- Doanh thu hợp nhất tăng đạt mức 9,605.34 tỷ đồng so với 7,977.47 tỷ đồng 2022. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế giảm ở mức 59.08 tỷ đồng so với 96.88 tỷ đồng năm 2022.
- Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh dương tương đương 236.40 tỷ đồng, Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư âm 432.53 tỷ đồng, Dòng tiền từ hoạt động tài chính dương tương đương 91.51 tỷ đồng

##### b) Tình hình nợ phải trả:

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 8,10% lên mức 3,307.1 tỷ đồng so với mức 3,059.4 tỷ đồng năm 2022.
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm -22,29% xuống mức 468.10 tỷ đồng so với mức 602.34 tỷ đồng năm 2022.
- Tập đoàn không có nợ quá hạn

#### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đang tiếp tục điều chỉnh mô hình công ty mẹ, công ty con. Trong đó, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đóng vai trò là công ty mẹ. Song song với xác định mô hình tổ chức, các chính sách quản lý cũng thay đổi qua việc phân quyền ở các bộ phận chức năng của công ty mẹ và công ty thành viên, xác lập mối quan hệ giữa bộ phận chức năng của công ty mẹ với các công ty con cũng như quyền hạn, nhiệm vụ của từng vị trí trong các bộ phận chức năng.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- ❖ Quản trị mục tiêu lợi nhuận thông qua các chỉ tiêu Doanh số, Tiến độ và Chi phí, Cụ thể:
  - Chủ động, linh hoạt với chỉ tiêu doanh số
  - Quản lý tốt tiến độ
  - Quản lý chặt chẽ chi phí
  - Chiến lược phát triển trung và dài hạn
  - Tiếp tục kế hoạch tái cơ cấu
  - Tạo đột phá đối với những ngành tiềm năng đã tiến hành đầu tư như cung cấp nước, năng lượng tái tạo và đặc biệt là bất động sản công nghiệp,
  - Mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất
  - Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động kiểm toán và kiểm soát nội bộ, giảm rủi ro về tài chính và hoạt động
- ❖ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
  - Phát triển các sản phẩm có hiệu năng cao, thân thiện với môi trường phù hợp với nhu cầu và khả năng của người tiêu dùng,
  - Ứng dụng tiến bộ công nghệ thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất,
  - Tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh năng động, thúc đẩy phát triển năng lực cá nhân và tương tác giữa các cá nhân để hình thành đội ngũ lao động có chuyên môn vững, tinh thần hợp tác,
  - Nâng cao và hài hòa lợi ích giữa các bên có lợi ích liên quan,
  - Xây dựng mô hình doanh nghiệp hoạt động hiệu quả về mặt kinh tế, có trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần):** Không có

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Bên cạnh việc phải cân đối để đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty vẫn luôn nỗ lực để đảm bảo việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đối với việc tiêu thụ nước, năng lượng và đảm bảo các chỉ tiêu về phát thải và các nguồn nhiên liệu, năng lượng có liên quan.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn nỗ lực để đảm bảo Người lao động luôn có được môi trường làm việc tốt nhất trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, biến động. Người lao động làm việc tại Công ty và đơn vị thành viên có liên quan luôn đánh giá cao về môi trường làm việc, chế độ phúc lợi và cơ hội phát triển nghề nghiệp tại Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Ngoài các mục tiêu về lợi nhuận, Công ty luôn hướng đến sự phát triển bền vững và vì mục tiêu cộng đồng thông qua các chính sách hỗ trợ, tài trợ và chú trọng phát triển bền vững đối với địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động.

### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

**Hiệu quả sản xuất kinh doanh**

STT	Chỉ tiêu	2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ % so sánh giữa thực hiện năm 2023 và năm 2022 năm 2023	Tỷ lệ % so sánh giữa thực hiện và kế hoạch năm 2023
1	Doanh thu (tỷ đồng)	8,214	8,000	9,781	119%	122%
2	Lợi nhuận sau thuế (tỷ)	97	80	59	61%	74%
3	Cổ tức	-	8%	0	0	0

**Trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty:**

- Công ty luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào công tác điều hành, sản xuất nhằm bảo vệ môi trường tốt hơn.
- Trong năm 2023, Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.
- Công ty đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động, đảm bảo được việc làm, tiền lương, chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ khác cho người lao động.
- Công ty luôn thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, hỗ trợ các chương trình do địa phương phát động.

## **2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình một cách cẩn trọng theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông. Qua giám sát, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành năm 2023 trong bối cảnh nền kinh tế chung còn nhiều khó khăn.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Triển khai kế hoạch tái cơ cấu về mô hình quản lý công ty, ngành nghề kinh doanh, nhân sự phù hợp với mục tiêu, chiến lược của công ty. Theo đó:

- Gia tăng đầu tư vào lĩnh vực mới như cung cấp nước và năng lượng tái tạo
- Đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển để không ngừng đưa các sản phẩm mới được cải tiến về tính năng và thiết kế
- Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động kiểm toán và kiểm soát nội bộ, giảm rủi ro về tài chính và hoạt động
- Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý nguồn lực trong toàn tập đoàn
- Nâng cao quyền và các lợi ích cho cổ đông góp vốn.



# ỐNG INOX

## CÔNG NGHIỆP

### SƠN HÀ



Hotline: **1800 6566**

XUẤT KHẨU TỚI

**50**

+

QUỐC GIA



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

**Trụ sở chính:** Số 2, Phố Thanh Lâm - Phường Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm,

**Hội sở:** Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai - P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình,

Điện thoại: 1800 6566

Email: [support@sonha.com.vn](mailto:support@sonha.com.vn)

Website: [www.sonha.com.vn](http://www.sonha.com.vn)